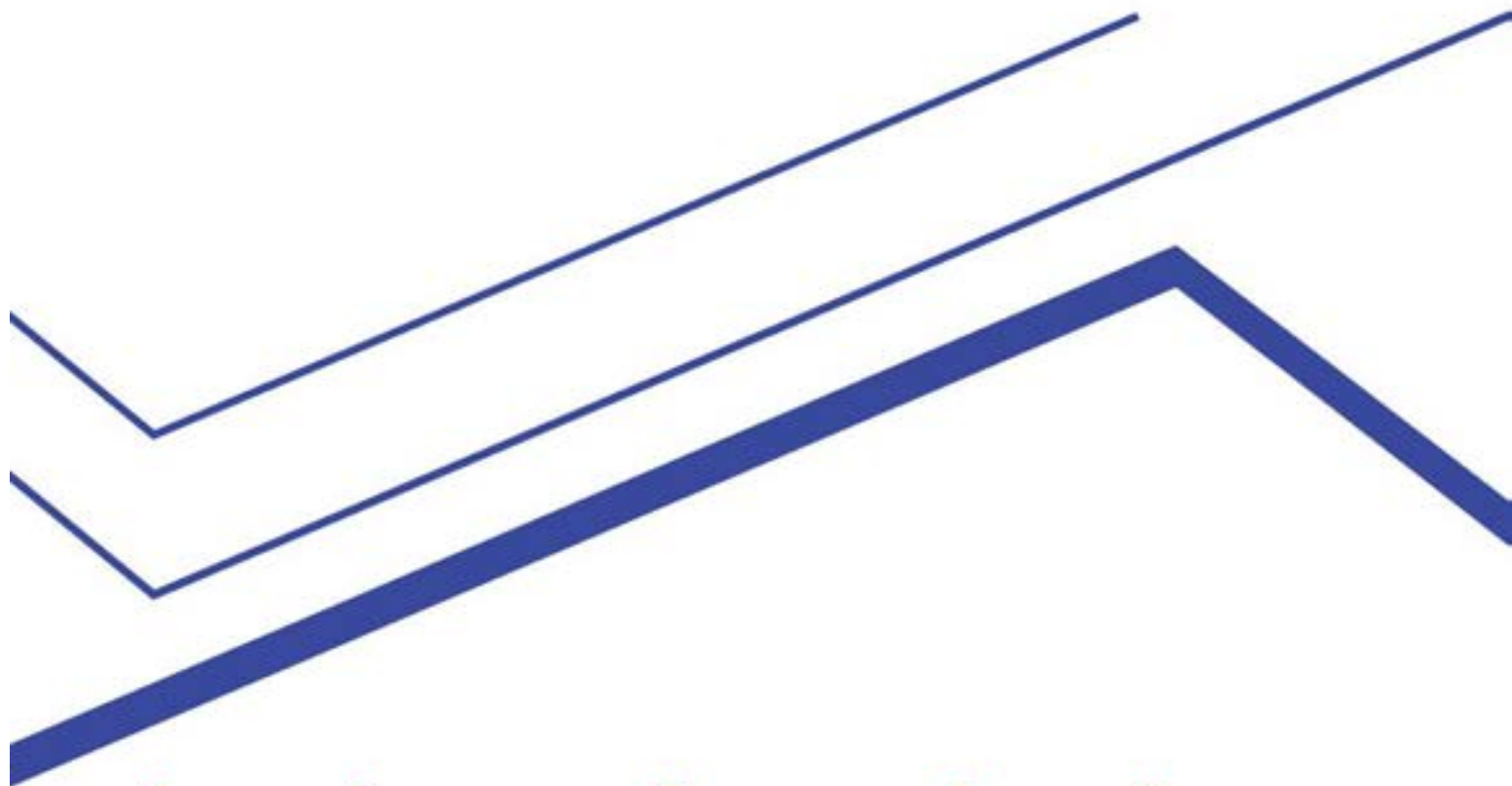




**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

# CHINH PHỤC THỬ THÁCH VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

**Biên tập**  
Lê Thị Phương Nam  
Nguyễn Thị Thu Hà

**Trình bày**  
Phan Tấn Huy  
Trần Phan Nhân

**Chủ nhiệm**  
Tăng Quốc Thuộc

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>THÔNG TIN CHUNG</b>   | <b>1</b>  |
| Thông tin khái quát & ngành nghề kinh doanh  | 2         |
| Quá trình hình thành và phát triển   | 3         |
| Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy điều hành  | 6         |
| Các công ty con và công ty liên kết  | 7         |
| Định hướng phát triển  | 8         |
| Mục tiêu phát triển bền vững   | 10        |
| Các rủi ro   | 10        |
| <b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>   | <b>11</b> |
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  | 12        |
| Tổ chức và nhân sự   | 13        |
| Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án  | 15        |
| Tình hình tài chính  | 17        |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu   | 17        |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội  | 18        |
| <b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>  | <b>21</b> |
| Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 2019  | 22        |
| Tình hình tài chính 2019   | 23        |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  | 24        |
| Kế hoạch phát triển kinh doanh 2019  | 24        |
| Báo cáo đánh giá liên quan đến người lao động, trách nhiệm doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương | 29        |
| <b>ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>  | <b>31</b> |
| Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty   | 32        |
| Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc  | 32        |
| Kế hoạch, định hướng của HĐQT  | 33        |
| <b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>  | <b>35</b> |
| Hoạt động của HĐQT   | 36        |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban Giám Đốc                                 | 38        |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>   | <b>42</b> |



# THÔNG TIN CHUNG

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**  
Tên tiếng Anh: **Licogi 16 Joint Stock Company**  
Tên viết tắt: **LICOGI 16**  
Mã cổ phiếu giao dịch: **LCG**  
Năm thành lập: **2001**

**Giấy đăng ký kinh doanh số: 0302310209** cấp lần đầu ngày 02/06/2006 và thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2020

Vốn điều lệ: 1.048.992.930.000 đồng

Tổng số cổ phần: 104.899.293 cổ phần

### Liên hệ:

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. HCM  
Điện thoại: 028.38411375  
Fax: 028.38411376  
Email: info@licogi16.com

## 2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công xây dựng các công trình giao thông.
- Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.
- Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp.
- Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.
- Sàn giao dịch bất động sản (thực hiện theo Luật Kinh doanh bất động sản).

Địa bàn kinh doanh: toàn quốc (miền Bắc, miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên).

**3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****Năm 2001:**

Công ty Xây dựng số 16 được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng LICOGI.

**Năm 2003:**

Công ty Xây dựng số 16 đã được tổ chức UKAS cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001 – 2000.

**Năm 2006:**

• Công ty Xây dựng số 16 chính thức chuyển mô hình hoạt động từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần LICOGI 16 với vốn điều lệ 12 tỷ đồng.

• LICOGI 16 đón nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ dành cho Đơn vị có thành tích trong công tác từ 2001 – 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

**Giai đoạn 2008 cho đến nay:**

Đại chúng hóa, với các mốc sự kiện quan trọng sau LICOGI 16 chính thức niêm yết cổ phiếu công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán LCG.

**Năm 2008:**

• Đầu tư mua lại 95% vốn của Công ty TNHH XD – TM – DV Điện Phước với ngành nghề chủ yếu là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

• Đầu tư thiết bị sản xuất bê tông đầm lăn (RCC) hiện đại nhất Việt Nam phục vụ thi công Thủy điện Bản Chát với tổng kinh phí là 230 tỷ đồng, thực hiện 1,6 triệu khối bê tông.

**Năm 2009:**

• Thành lập Công ty CP Điện lực LICOGI 16 thi công các dự án đường dây và trạm điện, công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật.

**Năm 2010:**

• Đầu tư mua lại 80% vốn của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng 12 đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Khu dân cư Hiệp Thành và các dự án bất động sản khác.

**Năm 2011:**

• Tổ chức Lễ kỷ niệm khối bê tông thứ 1 triệu trên tổng số 1,6 triệu khối bê tông tại công trình Thủy điện Bản Chát.

• Đầu tư dự án Quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP SAP.

**Năm 2013:**

• Thành lập Văn phòng đại diện LICOGI 16 tại Hà Tĩnh để triển khai thi công các công trình tại dự án Nhà máy thép Formosa.

• Thành lập Văn phòng đại diện LICOGI 16 tại Quảng Trị để triển khai thi công công trình dự án Xây dựng cầu Thạch Hãn và mở rộng quốc lộ 1A đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Năm 2014:**

• Liên doanh góp vốn thành lập công ty BOT để đầu tư nâng cấp và cải tạo quốc lộ 38 đoạn nối Bắc Ninh – Hưng Yên theo hình thức BOT.

**Năm 2016:**

• Kỷ niệm 15 năm thành lập công ty ngày 21/10/2016.

• Khánh thành nhà máy bê tông nhựa nóng BENNINGHOVEN ECO 2000U tại Quảng Ninh.

**Năm 2017**

• Thành lập Công ty CP Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16.

• Thành lập Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16.

**Năm 2018**

• Thành lập Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16.

• Thành lập Công ty CP Bất động sản LICOGI 16.

• Thành lập Công ty Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai.

• Thành lập Công ty Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận.

• Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

• Thành lập Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng – Chi nhánh Công ty CP LICOGI 16.

• Thành lập Xí nghiệp sản xuất và thương mại Vật liệu xây dựng LICOGI 16 – Chi nhánh Công ty CP LICOGI 16 tại Lạng Sơn.

• Đầu tư mua lại 80% cổ phần Công ty Cổ phần Licons Việt Nam.

• Đầu tư mua lại 61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – Cần Thơ.

• Đầu tư mua lại 49% cổ phần Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê.

**Năm 2019**

• Thành lập Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1 – Công suất 50MWp.

• Thành lập Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2 – Công suất 50MWp.

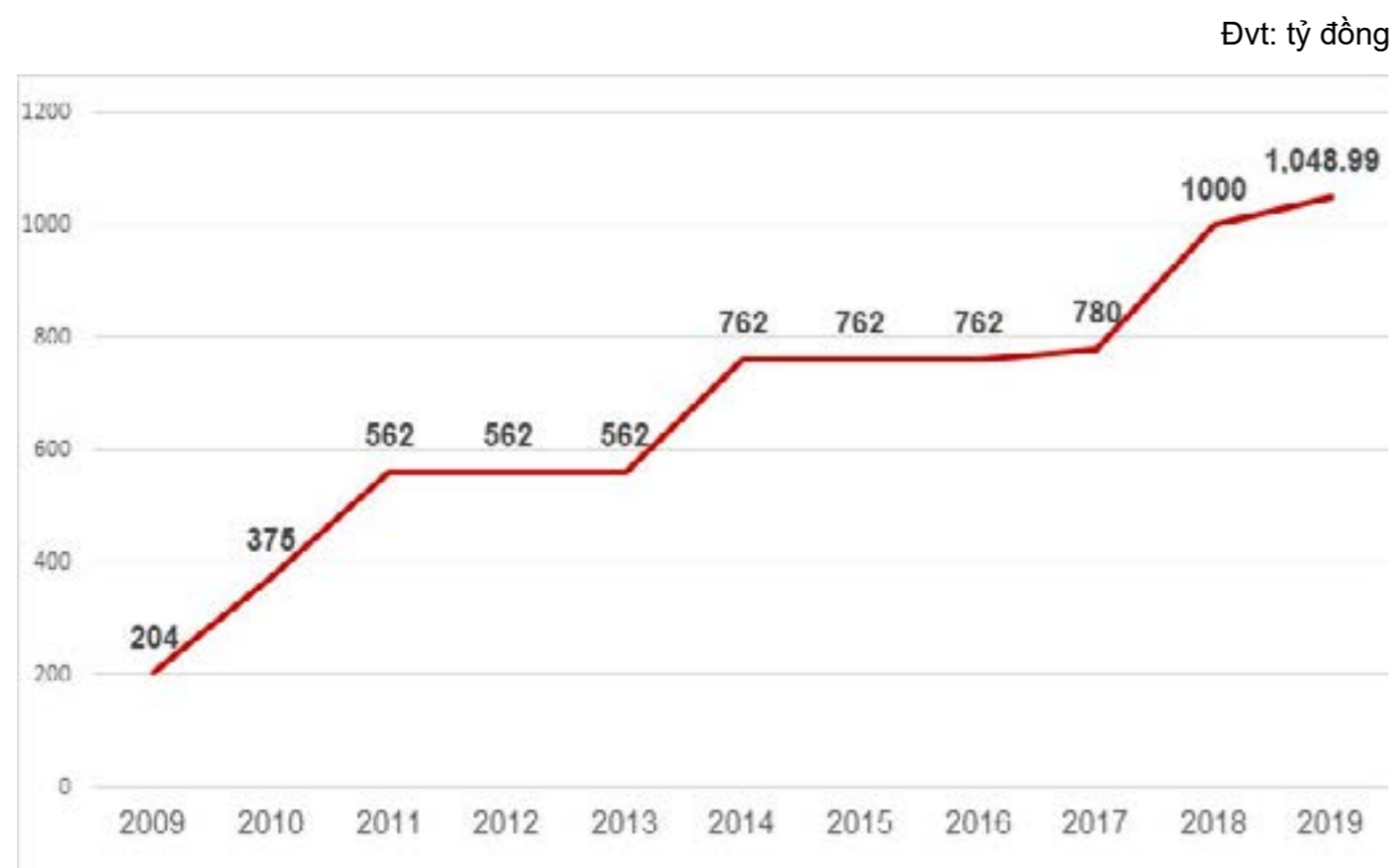
• Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn được đưa vào sử dụng.

• Khánh thành Nhà máy điện Chư Ngọc Gia Lai.

#### 4. GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Huân chương lao động hạng ba năm 2007.
- Chứng nhận Công ty Cổ phần LICOGI 16 đạt giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2009” và Danh hiệu “Top 100 Doanh nghiệp niêm yết hàng đầu VN” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Chứng nhận Công ty Cổ phần LICOGI 16 đạt giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2010” dành cho doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Chứng nhận Công ty Cổ phần LICOGI 16 nằm trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2011.
- Huân chương lao động hạng nhì năm 2011.
- Cờ truyền thống của UBND TP. HCM năm 2011.
- Cờ truyền thống của UBND Đồng Nai năm 2011.
- Chứng nhận Công ty Cổ phần LICOGI 16 thuộc top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2015.

#### 5. CÁC ĐỢT TĂNG VỐN



Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết tính đến ngày 08/01/2020: 104.899.293 cổ phiếu

#### 6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

##### a. Mô hình quản trị

Theo điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

##### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Bùi Dương Hùng - Chủ tịch HĐQT**

- Năm sinh: 1958
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị
- 04/2001 - 01/2006 : Giám đốc Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI);
- 02/2006 - 06/2007: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP LICOGI 16;
- 07/2007 - 03/2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP LICOGI 16;
- 04/2013 – 04/2016: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP LICOGI 16;
- 04/2016 – 04/2017: Chủ tịch HĐQT NK III - Tổng Giám đốc Công ty CP LICOGI 16;
- 05/2017 – nay: Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III



**Ông Phan Ngọc Hiếu – Thành viên HĐQT**

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- 1997 – 2015: Tổng giám đốc tại Công ty CP Cơ khí Kết cấu thép Sóc Sơn
- 04/2016 – nay: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III Công ty CP LICOGI 16
- 04/2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam



**Ông Lê Vũ Nam – Thành viên HĐQT độc lập**

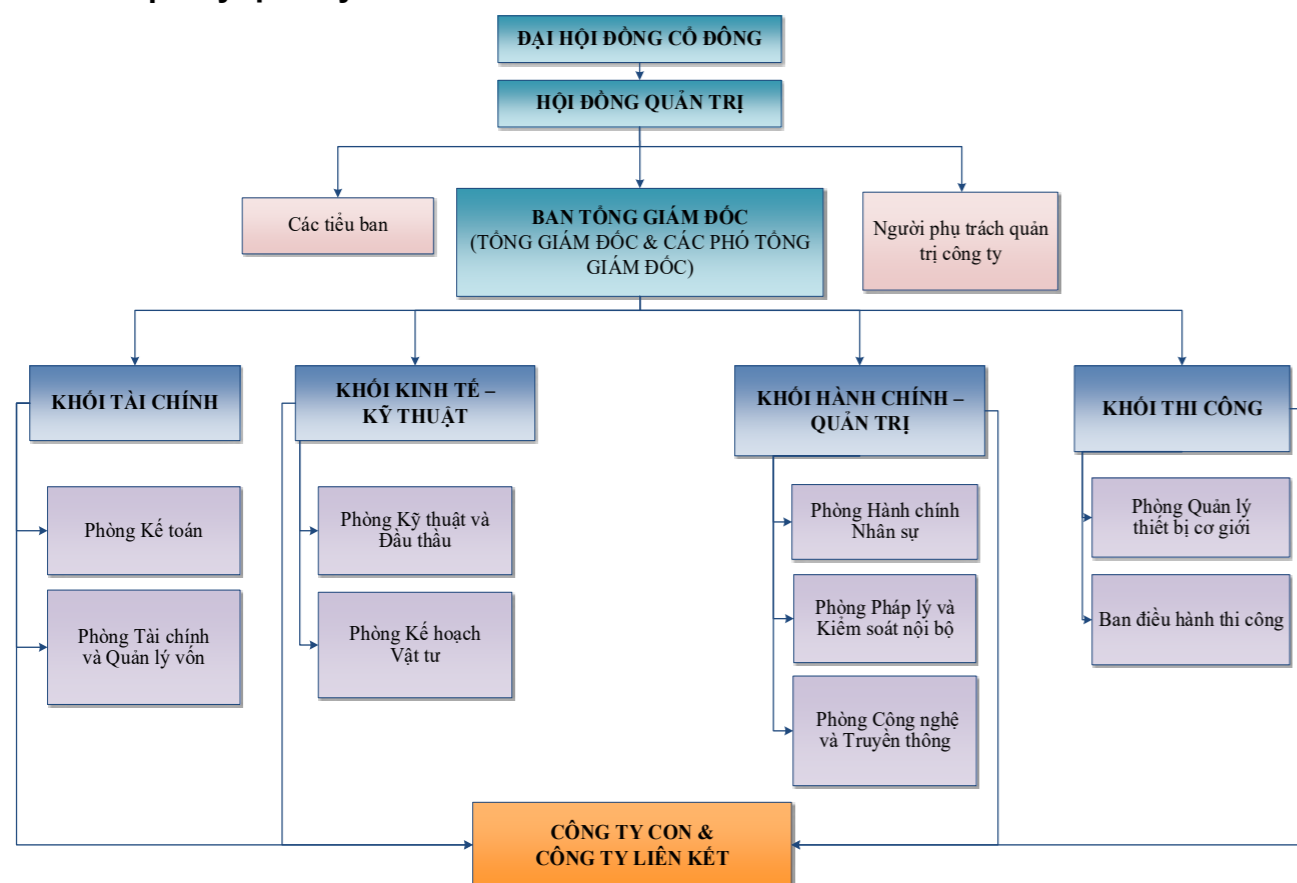
- Năm sinh: 1969
- Trình độ chuyên môn: PGS. TS. Luật Kinh tế
- 2001 – 2006: Trưởng phòng Nghiên cứu và thông tin thị trường tại Trung tâm GDCK TP. HCM, nay là Sở GDCK TP. HCM
- 2006 – nay: Trưởng Khoa Luật tại Khoa Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM
- 04/2016 – nay: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III Công ty CP LICOGI 16
- 06/2017 – nay: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ



**Ông Budiman Satrio Sudono – Thành viên HĐQT độc lập**

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- 1991 – 1992: Công tác tại Tập đoàn MELDISCO, California, Hoa Kỳ
- 1993 – nay: Phó Chủ tịch cấp cao Công ty Chứng khoán Nikko Indonesia
- 2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT Công ty CP LICOGI 16
- 04/2016 – nay: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III Công ty CP LICOGI 16

**b. Cơ cấu bộ máy quản lý:**



**c. Các công ty con, công ty liên kết**

| STT                | Tên công ty   | Trụ sở chính  | Tỷ lệ lợi ích | Hoạt động kinh doanh chính   |
|--------------------|---|---|---------------|--|
| <b>Công ty con</b> |   |   |               |  |
| 1                  | Công ty TNHH XD TMDV Điện Phước.                          | 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM                                     | 95,00%        | Xây lắp, kinh doanh bất động sản   |
| 2                  | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16                       | 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TPHCM                                       | 95,00%        | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ  |
| 3                  | Công ty CP Bất động sản LICOGI 16                         | 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM                                     | 95,00%        | Kinh doanh bất động sản  |
| 4                  | Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16            | 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TPHCM                                       | 97,00%        | Sản xuất vật liệu xây dựng. Thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp            |
| 5                  | Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận | Đường Kiên Kiên Vĩnh Hy, Thôn Khánh Phước, Xã Nhơn Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận | 97,00%        | Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp |
| 6                  | Công ty CP LICON S Việt Nam                               | 169 Nguyễn Ngọc Vũ, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội                               | 80,00%        | Sản xuất vật liệu xây dựng. Thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp            |

|    |   |   |        |   |
|----|---|---|--------|---|
| 7  | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12    | 21/3C Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Q. 12, TP. HCM                        | 80,00% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản            |
| 8  | Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16      | 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM                       | 75,00% | Cung cấp dịch vụ tiện ích                   |
| 9  | Công ty CP Nước Sài Gòn - Cần Thơ         | 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ | 45,75% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước           |
| 10 | Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1 | Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 7, Phường 3, TP. Đông Hà, Quảng Trị      | 78,00% | Sản xuất điện. Truyền tải và phân phối điện |
| 11 | Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2 | Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 7, Phường 3, TP. Đông Hà, Quảng Trị      | 78,00% | Sản xuất điện. Truyền tải và phân phối điện |

| <b>Công ty liên kết</b> |   |   |        |   |
|-------------------------|---|---|--------|---|
| 1                       | Công ty CP LICOGI 16.8                              | Số 169 Bàu Cát, P.14, Q. Tân Bình, TP. HCM              | 36,36% | Tư vấn thiết kế                           |
| 2                       | Công ty Điện lực LICOGI 16                          | 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM          | 34,50% | Xây dựng các công trình điện, đầu tư      |
| 3                       | Công ty CP Cấp nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị  | Thôn Tân Lập, Hải Ba, Hải Lăng, Quảng Trị               | 30,00% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |
| 4                       | Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị | Tầng 20 tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | 30,00% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |

**7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

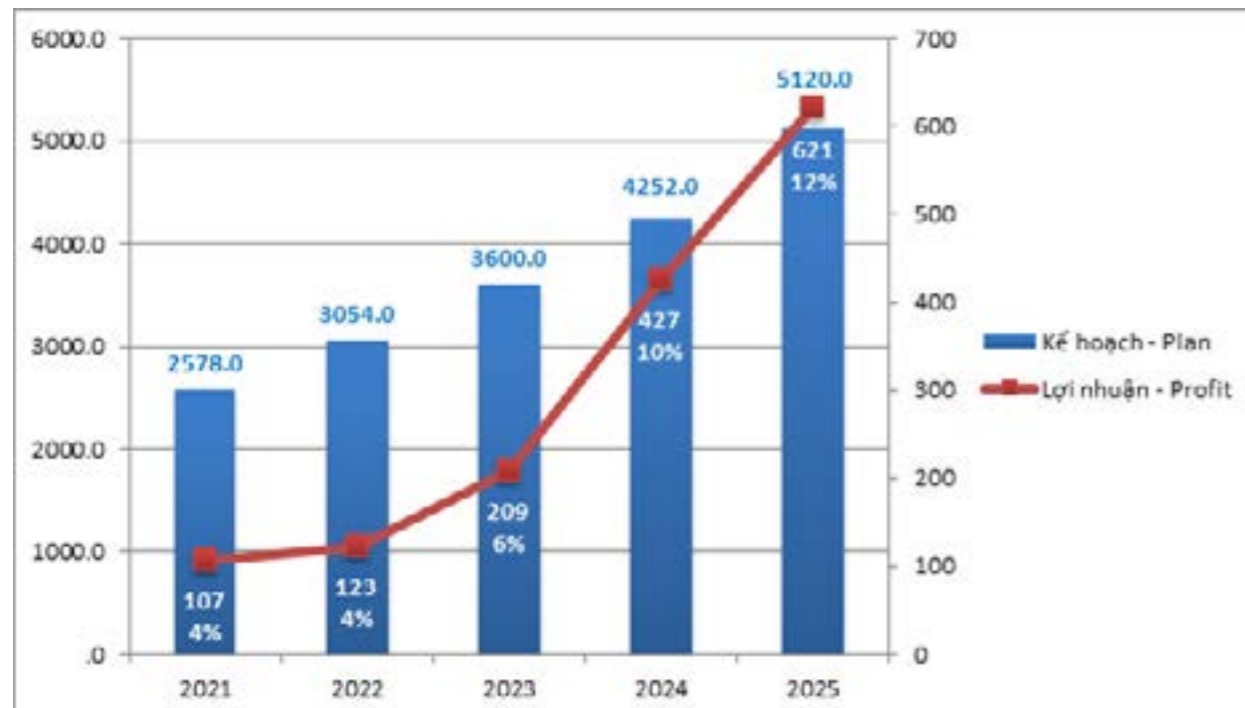
LICOGI 16 vẫn tiếp tục thực hiện theo định hướng chiến lược 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua. Cụ thể:

- Đối với Bất động sản, tiếp tục triển khai dự án Điện Phước, nhà ở xã hội Nghi Sơn, Long Tân, lấn biển Hậu Lộc, dự án Bảo Lộc.
- Cấu trúc lại ngành tiện ích, đặc biệt ngành nước theo hướng thoái vốn những dự án không hiệu quả.
- Tiếp tục định hướng là tổng thầu các công trình xây dựng.
- Năng lượng tái tạo: ngoài Solar Gia Lai, Solar Nhơn Hải, LICOGI 16 tiếp tục đầu tư và đề xuất các dự án điện gió có tổng công suất đến 300 MWp và tổng mức đầu tư trên 12.000 tỷ đồng.

- Cùng với đó là chiến lược tái cấu trúc với các nội dung: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự theo hướng dựa trên khối lượng và kết quả công việc thực hiện, đánh giá và sắp xếp nguồn nhân lực và xây dựng, củng cố nền tảng cho tăng trưởng. Tiếp tục rà soát hoạt động công ty con, công ty liên kết và kiên quyết thoái vốn khỏi các công ty không hoạt động hiệu quả.

**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Doanh thu và lợi nhuận (2021 – 2025)



Kế hoạch đầu tư dự kiến cho giai đoạn 2020-2025, cụ thể:

| STT | Lĩnh vực              | Mã dự án | Giá trị (tỷ) | 2021        | 2022        | 2023        | 2024        | 2025        |
|-----|-----------------------|----------|--------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1   | Giao thông & dân dụng | VD-MC    | 871          | 436         | 436         |             |             |             |
| 2   |                       | HN-CL    | 1100         | 550         | 550         |             |             |             |
| 3   |                       | TT-CN    | 770          |             | 100         | 300         | 300         | 70          |
| 4   |                       | DD-TL    | 550          |             | 100         | 200         | 200         | 50          |
| 5   |                       | B-N      | 1900         | 200         | 200         | 500         | 500         | 500         |
| 6   | Tiện ích              | DNQT     | 600          |             | 300         | 300         |             |             |
| 7   | Năng lượng            | Gió      | 10350        | 672         | 648         | 1150        | 1052        | 1200        |
| 8   |                       | Mặt trời | 1500         | 300         | 300         | 300         | 300         | 300         |
| 9   | BDS                   | BDS      | 4290         | 120         | 120         | 450         | 1400        | 2200        |
| 10  | Các dự án khác        |          | 2300         | 300         | 300         | 400         | 500         | 800         |
|     | <b>Tổng cộng</b>      |          | <b>24231</b> | <b>2578</b> | <b>3054</b> | <b>3600</b> | <b>4252</b> | <b>5120</b> |

**8. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Với tầm nhìn trở thành công ty hàng đầu tại Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật và công nghiệp, LICOGI 16 luôn nhận thức trách nhiệm của mình trong công tác gìn giữ, bảo vệ môi trường. Tất cả các công trình được thực hiện trong vai trò chủ đầu tư hoặc thi công, LICOGI 16 đều cố gắng ảnh hưởng tối thiểu đến môi trường, không để xảy ra khiếu kiện, khiếu nại về vấn đề an toàn môi trường, những phản ảnh, đánh giá không tốt từ chủ đầu tư. LICOGI 16 hướng mình đến việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng xây dựng của Việt Nam và quốc tế. Ban lãnh đạo hiểu rằng, những thành quả trong kinh doanh có được đều có sự song hành hỗ trợ rất lớn từ cộng đồng, từ xã hội, vì thế nghĩa vụ đóng góp, có trách nhiệm với xã hội là một việc làm tất yếu. Mục tiêu của công ty là cam kết được phần nào chung tay gánh vác, chia sẻ các vấn đề khó khăn chung của xã hội. Cộng đồng nhỏ đầu tiên mà công ty quan tâm, xem như tài sản quý cần gìn giữ và thu hút chính là đội ngũ người lao động. Cùng với mục tiêu tăng trưởng sản xuất, chăm lo và tạo điều kiện mọi mặt cho nhân viên, đảm bảo an toàn lao động là quan tâm hàng đầu của ban lãnh đạo.

Để thực hiện được nhiệm vụ doanh thu, lợi nhuận kế hoạch và phát triển bền vững, các yếu tố nguồn lực cốt lõi cần quan tâm:

- Con người: yếu tố con người luôn là hạt nhân để thúc đẩy việc phát triển công ty. Do vậy LICOGI 16 luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp. Bên cạnh việc trẻ hóa đội ngũ, hướng tới công tác đào tạo thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm việc. Tiếp tục sử dụng các nhân sự với nhiều năm kinh nghiệm để tiến tới hình thành một bộ máy hài hòa có sự tương trợ lẫn nhau. Đồng thời tranh thủ kiến thức của các chuyên gia trong từng lĩnh vực tư vấn cho Ban lãnh đạo, các bộ phận chuyên môn.
- Đào tạo chuyên sâu: Từ việc nhận biết yếu tố con người là vấn đề cốt lõi của sự phát triển công ty, vì vậy cần thiết phải đào tạo một cách chuyên sâu, bài bản từng cá nhân. Có hoạch định đúng đắn cho việc phát triển nguồn nhân lực và nhận biết khả năng, thế mạnh của mỗi cá nhân để sắp xếp vị trí phù hợp nhất.
- Nắm bắt các công nghệ tân tiến, hiện đại, phù hợp với năng lực cốt lõi của Công ty để thực hiện các dự án có hiệu quả cao nhất và phát triển Công ty theo hướng bền vững nhất.

**9. CÁC RỦI RO**

Trong bối cảnh kinh tế xã hội liên tục chuyển biến và thay đổi, các yếu tố rủi ro luôn tồn đọng và có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các rủi ro mà LICOGI 16 đã và đang phải đối mặt trong quá trình hoạt động có thể kể đến như:

- Với vai trò Tổng thầu EPC dự án tuy nhiên LICOGI 16 chưa chủ động và làm chủ được trong công tác Thiết kế do chưa có nhiều kinh nghiệm và bộ phận chuyên môn trong lĩnh vực này.
  - Vốn chủ sở hữu chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu về tài chính để thực hiện khối lượng công việc trong hợp đồng đã ký trong năm. Việc sử dụng vốn vay khiến chi phí tài chính tăng cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận.
  - Thay đổi về thời tiết, khí hậu như bão lụt, sạt lở luôn là rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xây dựng, gây ra các thiệt hại và khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành, bàn giao công trình.
- Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như rủi ro quản tổ chức quản lý, rủi ro tài sản, rủi ro nhân lực luôn được ban lãnh đạo LICOGI 16 giảm thiểu thông qua việc tăng cường tuyển dụng nhân lực có trình độ chuyên môn, đào tạo nhân viên hiện hữu, cũng như áp dụng triệt để hệ thống hóa doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin qua hệ thống quản lý doanh nghiệp ERP, cải tiến quy trình hồ sơ qua phần mềm E-office của doanh nghiệp.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu thực hiện năm 2020 trên cơ sở Báo cáo tài chính kiểm toán của công ty mẹ và hợp nhất, thông tin tóm tắt như sau:

| Chỉ tiêu                 | TH 2019 | KH 2019 | TH 2019/ KH 2019 |
|--------------------------|---------|---------|------------------|
| <b>Báo cáo riêng</b>     |         |         |                  |
| <i>Doanh thu riêng</i>   | 2.409   | 2.704   | 89%              |
| <i>LN sau thuế riêng</i> | 355     | 190     | 187%             |
| <b>Báo cáo hợp nhất</b>  |         |         |                  |
| <i>Doanh thu HN</i>      | 2.536   | 2.733   | 93%              |
| <i>LN sau thuế HN</i>    | 191     | 200     | 96%              |

### • Báo cáo tại Công ty mẹ:

- Doanh thu thực hiện: 2.409 tỷ đồng, đạt 131% so với cùng kỳ (1.841 tỷ đồng) và đạt 89% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.704 tỷ đồng). Trong đó:

+ **Hoạt động xây lắp:** Doanh thu là 1.948 tỷ đồng, đạt 106% so với cùng kỳ

+ **Hoạt động khác:** Doanh thu là 461 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 355 tỷ đồng, đạt 480% so với cùng kỳ (74 tỷ đồng) và đạt 187% so với kế hoạch ĐHCĐ (190 tỷ đồng).

### • Báo cáo hợp nhất:

- Doanh thu thực hiện: 2.536 tỷ đồng, đạt 101% so với cùng kỳ (2.501 tỷ đồng) và 93% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.733 tỷ đồng). Trong đó:

+ **Hoạt động xây lắp:** Doanh thu là 2.051 tỷ đồng, đạt 112% so với cùng kỳ (1.837 tỷ đồng) và đạt 94% so với kế hoạch ĐHCĐ (2.378 tỷ đồng).

+ **Hoạt động Bất động sản:** Doanh thu là 485 tỷ đồng, đạt 80% so với cùng kỳ (610 tỷ đồng) và đạt 137% so với kế hoạch ĐHCĐ (354 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (Công ty mẹ): 191 tỷ đồng, đạt 116% so với cùng kỳ (164 tỷ đồng) và 96% so với kế hoạch ĐHCĐ (200 tỷ đồng).

**Doanh thu, lợi nhuận theo Báo cáo riêng của công ty mẹ chưa đạt kế hoạch ĐHCĐ, chủ yếu do:**

- Doanh thu kế hoạch đến từ các dự án Bãi đỗ xe Thủ Lệ và Tân Thanh – Cốc Nam chưa kịp triển khai do thủ tục pháp lý dự án chưa hoàn chỉnh và nguồn vốn thu xếp cho dự án chưa có.

- Tín dụng của một số các dự án bị vướng mắc hoặc chậm dẫn đến không có đủ nguồn vốn để triển khai thi công dự án theo đúng tiến độ kế hoạch như Nhà máy nước Phú Ninh, Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kông, Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng.



2. Tổ chức và nhân sự

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2019, LICOGI 16 đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc Kinh tế - Kế hoạch đối với ông Nguyễn Tâm Hòa và bổ nhiệm ông Trần Hữu Phong thay thế. Tháng 12/2019, chức danh Giám đốc khối được điều chỉnh thành Phó Tổng giám đốc nhằm với mục tiêu quản lý, điều hành hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Danh sách thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng

| STT                   | Họ Tên               | Chức vụ           | Cổ phần hạn chế chuyển nhượng | Cổ phần chuyển nhượng tự do | Tỷ lệ sở hữu % |
|-----------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------|
| <b>Ban điều hành</b>  |                      |                   |                               |                             |                |
| 1                     | Ông Tăng Quốc Thuộc  | Tổng giám đốc     |                               | 660.712                     | 0,64%          |
| 2                     | Ông Phí Ngọc Anh     | Phó Tổng giám đốc |                               | 37.800                      | 0,04%          |
| 3                     | Bà Lê Thị Phương Nam | Phó Tổng giám đốc |                               | 605.986                     | 0,59%          |
| 4                     | Ông Trần Hữu Phong   | Phó Tổng giám đốc |                               | 0                           | 0,00%          |
| <b>Kế toán trưởng</b> |                      |                   |                               |                             |                |
| 5                     | Ông Nguyễn Văn Việt  | Kế toán trưởng    |                               | 18.900                      | 0,02%          |
| <b>Tổng cộng</b>      |                      |                   |                               | <b>1.323.398</b>            | <b>1,29%</b>   |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Ông Tăng Quốc Thuộc - Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Kinh tế & Quản trị kinh doanh
- 2001 – 2006: Kỹ thuật tại Công ty Liên doanh Xây dựng nền móng phía Nam
- 2006 – 2009: Chỉ huy trưởng công trình, Phó phòng KT-KH tại Công ty CP LICOGI 16
- 2009 – 2010: Phó giám đốc Công ty CP LICOGI 16.1
- 2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Siêu Thành (Công ty con của LICOGI 16)
- 2012 – 2015: Giám đốc Công ty CP LICOGI 16.1
- 05/2016 – 04/2017: Phó Tổng giám đốc
- 05/2017 – 12/2017: Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Kinh tế - Kế hoạch Công ty
- 01/2018 – nay: Tổng giám đốc



**Ông Phí Ngọc Anh – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đường bộ
- 05/2002 – 06/2009: Chuyên viên KTCL – KQLĐB VII – Tổng cục Đường bộ Việt Nam
- 06/2009 – 11/2011: Chuyên viên ĐHDA 2 – BQLDA 7 (PMU7) – TC Đường bộ Việt Nam
- 12/2011 – 2015: Trưởng phòng XD, Giám đốc ĐHDA Formosa, Giám đốc XD LICOGI 16
- 2016 – 04/2017: Giám đốc Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP LICOGI 16
- 04/2017 – 11/2019: Giám đốc Thi công
- 12/2019 – nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối thi công



**Bà Lê Thị Phương Nam – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Luật sư
- 2002 – 2010: Trợ lý Ban giám đốc, Trưởng phòng Pháp chế Công ty Hoàng Quân
- 2010 – 2013: Trưởng văn phòng luật sư Nam Anh
- 2013 – 11/2018: Trưởng phòng Pháp chế Công ty CP LICOGI 16
- 11/2018 – 11/2019: Trưởng phòng Pháp chế, Giám đốc Hành chính – Quản trị
- 12/2019 – nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Hành chính – Quản trị



**Ông Trần Hữu Phong – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Quản lý công nghiệp, Thạc sĩ Kinh tế
- 2002 – 2007: Kỹ sư tại Công ty Holcim Việt Nam
- 2007 – 2009: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty BlueScope Việt Nam
- 2009 – 2011: Giám đốc tiếp thị Công ty BlueScope Việt Nam
- 2011 – 2015: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty Saint-Gobain Việt Nam
- 2015 – 2016: Giám đốc điều hành Công ty LPSolutions Việt Nam (Saint-Gobain Thái Lan)
- 2016 – 2019: Tổng giám đốc điều hành M.E.P Technical Services Co. Ltd.
- 11/2019 – 12/2019: Giám đốc Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP LICOGI 16
- 12/2019 – nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Kinh tế - Kỹ thuật

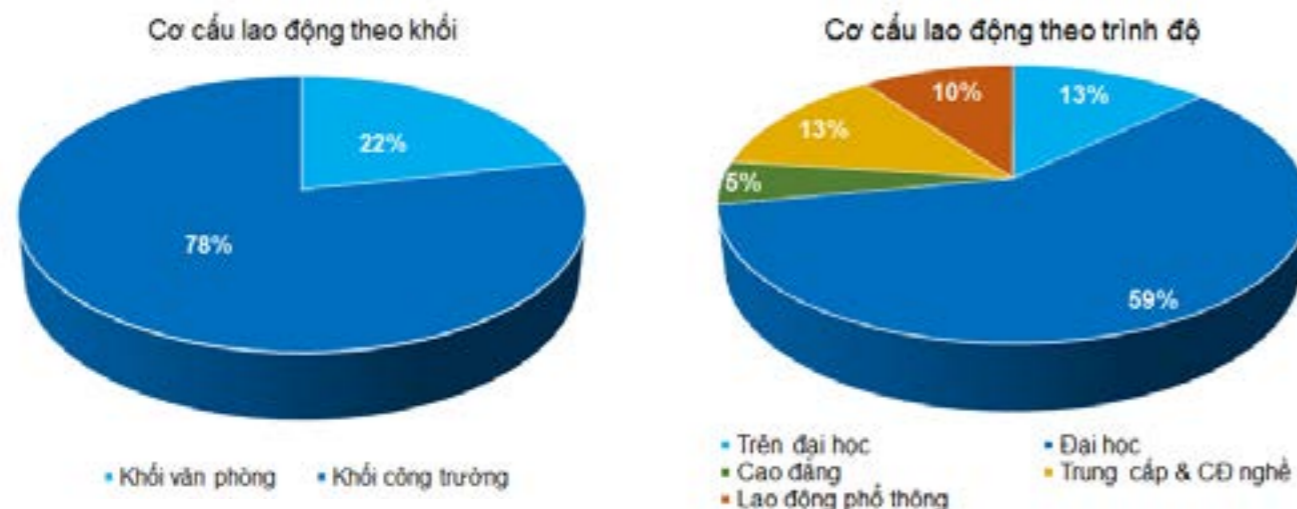


**Ông Nguyễn Văn Việt – Kế toán trưởng**

- Năm sinh: 1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- 2008 – 2012: công tác tại Công ty CP Pin Ấc quy miền Nam
- 2013 – nay: công tác tại Công ty CP LICOGI 16

**Số lượng cán bộ, nhân viên**

Cơ cấu lao động tính đến 31/12/2019, tổng số lao động ký hợp đồng trực tiếp với công ty là 401 người, tăng so với năm 2018 là 17 người. Trong đó, khối gián tiếp làm việc tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh Hà Nội là 87 người, chiếm 21%; làm việc tại công trường, BDH dự án là 314 người, chiếm 79%.



**Chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động**

- Áp dụng quy chế lương, thang bảng lương áp dụng theo **phương pháp lương 3P** (theo vị trí công việc, theo năng lực cá nhân và theo hiệu quả công việc).
- Mức lương của người lao động **không thấp hơn 107% mức lương tối thiểu vùng** do Nhà nước quy định.
- Tổ chức **khám sức khỏe định kỳ** hàng năm cho cán bộ công nhân viên.
- **Thuê nhà, lập ký túc xá** cho người lao động làm việc tại công trường, **mua sắm trang thiết bị sinh hoạt cần thiết, trang bị dụng cụ thể dục thể thao**, tổ chức **bữa trưa tập thể** đảm bảo điều kiện sinh hoạt thoải mái cho người lao động.
- Các chính sách đánh giá, thi đua, khen thưởng:
  - + Thưởng cho CBNV khi hoàn thành vượt kế hoạch và tiến độ đề ra.
  - + Thưởng dịp các ngày lễ: 30/4-1/5, lễ 2/9, tết dương lịch, tết nguyên đán.
- Ngoài ra doanh nghiệp vẫn tiếp tục duy trì và bổ sung thêm những chính sách lao động mới nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động (xem chi tiết mục II.6.e)

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a. Các khoản đầu tư lớn**

Hoạt động đầu tư vốn của công ty được tính toán trên cơ sở dự án đầu tư là các dự án PPP và thành lập các đơn vị thành viên theo mô hình Holdings.

- Dự án đầu tư theo hình thức PPP:

- + Đầu tư 19,5% vốn cổ phần trong Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn với tổng giá trị đã đầu tư là 358,5 tỷ đồng.
- + Đầu tư 19,0% vốn cổ phần trong Công ty BOT 38 với tổng giá trị đã đầu tư là 67,0 tỷ đồng.
- + Đầu tư 11,0% vốn cổ phần trong công ty CP BOO Nhà Máy nước Phú Ninh với tổng giá trị đã đầu tư là 46,5 tỷ đồng.

- Các dự án Bất động sản mà LICOGI 16 đang triển khai bao gồm:

- + Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và 50ha
- + Khu dân cư đường Lý Thường Kiệt – TP. Bảo Lộc 13,3ha
- + Khu dân cư Điền Phước 95ha
- + Chung cư The Parkland
- + Khu dân cư Hiệp Thành
- + Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI
- + Khu dân cư lấn biển tại cửa sông Lèn và sông Trường Giang (Hậu Lộc – Thanh Hóa)

- LICOGI 16 đang hoạt động theo mô hình Holdings với 5 lĩnh vực chính, bao gồm: Hạ tầng Giao thông, Bất động sản, Tiện ích - ngành nước, Năng lượng tái tạo và Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Các công ty con chuyên ngành đã thành lập bao gồm:

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16 (LCI) với tỷ lệ sở hữu 95% vốn chủ sở hữu. LCI tập trung định hướng hoạt động trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông.
- + Công ty Cổ phần Đầu tư tiện ích LICOGI 16 (LCU) với tỷ lệ sở hữu 75% vốn chủ sở hữu. LCU tập trung định hướng hoạt động trong lĩnh vực đầu tư trong ngành dịch vụ hạ tầng tiện ích (cấp nước sạch dân dụng và công nghiệp, xử lý nước thải).
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCE) với tỷ lệ sở hữu 88% vốn chủ sở hữu. LCE tập trung định hướng hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (sản xuất truyền tải và phân phối điện, thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp).
- + Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16 (LCLAND) với tỷ lệ sở hữu 95% vốn chủ sở hữu. LCLAND tập trung định hướng hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

**b. Các công ty con, công ty liên kết:**

4. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu  | Báo cáo hợp nhất  |                   |            |
|---|-------------------|-------------------|------------|
|   | 2019              | 2018              | Chênh lệch |
| Tổng giá trị tài sản                                      | 4.718.725.550.578 | 4.229.607.240.433 | 12%        |
| Doanh thu thuần   | 2.536.267.886.150 | 2.501.653.732.138 | 1%         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                         | 258.058.174.736   | 212.347.864.355   | 22%        |
| Lợi nhuận khác  | (2.126.153.061)   | 1.228.789.421     | (173%)     |
| Lợi nhuận trước thuế                                      | 255.932.021.675   | 213.576.653.776   | 120%       |
| Lợi nhuận sau thuế  | 191.125.782.226   | 164.576.999.715   | 116%       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                                |                   |                   |            |
| Chỉ tiêu  | Năm 2019          | Năm 2018          | Ghi chú    |
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                 |                   |                   |            |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                               | 1,11              | 1,16              | -4%        |
| + Hệ số thanh toán nhanh                                  | 0,83              | 0,83              | 0          |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                          |                   |                   |            |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | 0,66              | 0,65              | 2%         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | 1,97              | 1,87              | 5%         |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                  |                   |                   |            |
| + Vòng quay hàng tồn kho                                  | 2,52              | 2,61              | -4%        |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                            | 0,54              | 0,59              | -9%        |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                   |                   |                   |            |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 0,08              | 0,07              | 8%         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,12              | 0,11              | 9%         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,04              | 0,04              | 0          |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,10              | 0,08              | 27%        |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phiếu

- Vốn điều lệ: 1.048.992.930.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 104.899.293 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 102.898.955 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 2.000.338 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 01/04/2020)

| STT                           | Đối tượng                               | SL cổ phiếu        | Tỷ lệ sở hữu (%) | SL cổ đông   | Cơ cấu cổ đông |              |
|-------------------------------|---|--------------------|------------------|--------------|----------------|--------------|
|                               |   |                    |                  |              | Tổ chức        | Cá nhân      |
| 1                             | Cổ đông Nhà nước                        | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
| 2                             | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI           | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
|                               | - Trong nước                            | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
|                               | - Nước ngoài                            | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
| 3                             | Cổ đông lớn                             | 48.416.833         | 46,16%           | 5            | 2              | 3            |
|                               | - Trong nước                            | 18.920.013         | 18,04%           | 3            | 0              | 3            |
|                               | - Nước ngoài                            | 29.496.820         | 28,12%           | 2            | 2              | 0            |
| 4                             | Công đoàn Công ty                       | 7.087              | 0,01%            | 1            | 1              | 0            |
|                               | - Trong nước                            | 7.087              | 0,01%            | 1            | 1              | 0            |
|                               | - Nước ngoài                            | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
| 5                             | Cổ phiếu quỹ                            | 2.000.338          | 1,91%            | 1            | 1              | 0            |
| 6                             | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | 0                  | 0                | 0            | 0              | 0            |
| 7                             | Cổ đông khác                            | 54.475.035         | 51,93%           | 3.657        | 58             | 3.599        |
|                               | - Trong nước                            | 51.189.394         | 48,80%           | 3.594        | 45             | 3.549        |
|                               | - Nước ngoài                            | 3.285.641          | 3,13%            | 63           | 13             | 50           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              |   | <b>104.899.293</b> | <b>100,00%</b>   | <b>3.664</b> | <b>62</b>      | <b>3.602</b> |
| <b>Trong đó: - Trong nước</b> |   | <b>72.116.832</b>  | <b>68,75%</b>    | <b>3.599</b> | <b>47</b>      | <b>3.552</b> |
| <b>- Nước ngoài</b>           |   | <b>32.782.461</b>  | <b>31,25%</b>    | <b>65</b>    | <b>15</b>      | <b>50</b>    |

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

d. Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 với tỉ lệ 5% cho cổ đông hiện hữu: phát hành 4.899.293 cổ phiếu, theo mệnh giá tăng vốn điều lệ lên 48.992.930.000 đồng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của ngành xây dựng tập trung vào hạ tầng kỹ thuật, trong năm, nhu cầu sử dụng lượng lớn vật liệu thô như gạch, đá và sắt thép. Số liệu thống kê vật liệu chính mà LICOGI 16 đã sử dụng trong năm 2019 như sau:

| Vật liệu | Đơn vị tính | Khối lượng |
|----------|-------------|------------|
| Đá       | m3          | 295.425    |
| Gạch     | kg          | 1237       |
| Thép     | kg          | 1.897.849  |

Hoạt động xây dựng của công ty tập trung vào công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, và công trình công nghiệp, vật liệu tái chế phục vụ chuyên ngành này chưa được thị trường vật liệu cung cấp. Tuy nhiên, để giúp giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, công ty tăng cường đầu tư các trang thiết bị hiện đại khắc phục tiếng ồn, khói bụi, khí thải nằm trong mức độ cho phép của cơ quan chức năng.

**b. Tiêu thụ năng lượng:**

Các máy móc, thiết bị cơ giới phục vụ cho hoạt động xây dựng tại công trường sử dụng nguồn nhiên liệu chính là dầu diesel. Trong năm 2019, tổng lượng dầu diesel đã tiêu thụ là 3.083.919 lít.

Tương đương tổng năng lượng tiêu thụ 2019 phục vụ công trường khoảng 106.427.278.258Kjun.

- Về khối văn phòng:

Lượng điện năng tiêu thụ bình quân năm 2019: 7.000Kw/tháng x 12 tháng = 84.000Kw

**c. Tiêu thụ nước:**

Ban lãnh đạo yêu cầu Ban điều hành công trường tìm kiếm thuê nhà, lập ký túc xá, đáp ứng điều kiện sinh hoạt thoải mái cho người lao động. Việc sử dụng nguồn nước cho nhu cầu sinh hoạt của người lao động được mua từ nhà máy cấp nước trong khu vực.

Riêng với nguồn nước phục vụ thi công, công trường cách xa khu dân cư, ở những địa hình trắc trở, nguồn nước sử dụng là nguồn nước ngầm. Công tác xây dựng cơ bản không sử dụng nguồn nước tái sử dụng và không tái chế nước.

Hiện tại, LICOGI 16 chưa có số liệu thống kê và cách thức thu thập các báo cáo về môi trường nguồn cung nước và lượng nước sử dụng. Trong đó, khối lượng nước thu về từ nước ngầm, nước mưa do tổ chức thu thập trực tiếp và lưu trữ, các nguồn cấp nước và cơ sở tiện ích nước tại các địa phương có công trình đang đảm trách.

**d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm, không bị các hình phạt/tiền phạt hành chính và tư pháp do không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường của các cơ quan có thẩm quyền.

**e. Chính sách liên quan đến người lao động**

Tổng số CBCNV làm việc tại LICOGI 16 trong năm 2019 là 401 người, tăng 4.5% so với năm 2018, quỹ lương bình quân là 5,9 tỷ đồng tương ứng mức lương bình quân đầu người là 14,7 triệu đồng/người.

Với LICOGI 16, những người lao động là tài sản quý giá nhất. LICOGI 16 luôn cố gắng duy trì các chính sách lao động cũng như nâng cao điều kiện làm việc của người lao động, luôn tìm mọi phương thức để tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn. Tại LICOGI 16, người lao động được mua bảo hiểm sức khỏe 24h, cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, làm việc trong môi trường sạch sẽ, thông thoáng, hưởng lương theo quy chế, hệ thống lương áp dụng theo phương pháp 3P (theo vị trí công việc, theo năng lực cá nhân và theo hiệu quả công việc), ngoài ra, LICOGI 16 còn tổ chức bếp ăn tập thể tại văn phòng và tại các công trình dự án để phục vụ CBCNV.

Trong năm 2019, 9.738 giờ đào tạo đã được thực hiện, phù hợp với từng cấp bậc nhân viên và yêu cầu của từng cấp bậc, trong đó:

- Các buổi đào tạo an toàn lao động – vệ sinh môi trường, vận hành nhà máy điện, đào tạo sử dụng quy trình E-office với tổng thời gian đào tạo là 7,660 giờ.
- Các khóa quản lý dự án, chỉ huy trưởng, nghiệp vụ, kỹ năng và chứng chỉ hành nghề dành cho bậc quản lý cấp trung với tổng thời gian đào tạo là 678 giờ.
- Các khóa quản lý chất lượng công trình với tổng thời gian đào tạo là 1,400 giờ dành cho các cấp nhân viên và lãnh đạo.
- Các khóa đào tạo hợp đồng do Hiệp hội FIDIC tổ chức.

Ngoài ra, LICOGI 16 thường xuyên tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục nhằm hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và tạo cơ hội phát triển sự nghiệp công bằng cho tất cả người lao động, bao gồm tổ chức các chuyên khảo/ chương trình tham quan, kiến tập tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước; mời các chuyên gia theo từng lĩnh vực đến nói chuyện chuyên đề. Những hoạt động này mang đến cho CBCNV những kiến thức và trải nghiệm thực tế hữu ích. Với nguồn nhân lực và vật lực dồi dào, LICOGI 16 luôn cố gắng tạo những giá trị nhằm thay đổi tư duy quản trị doanh nghiệp, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho đơn vị.

**f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

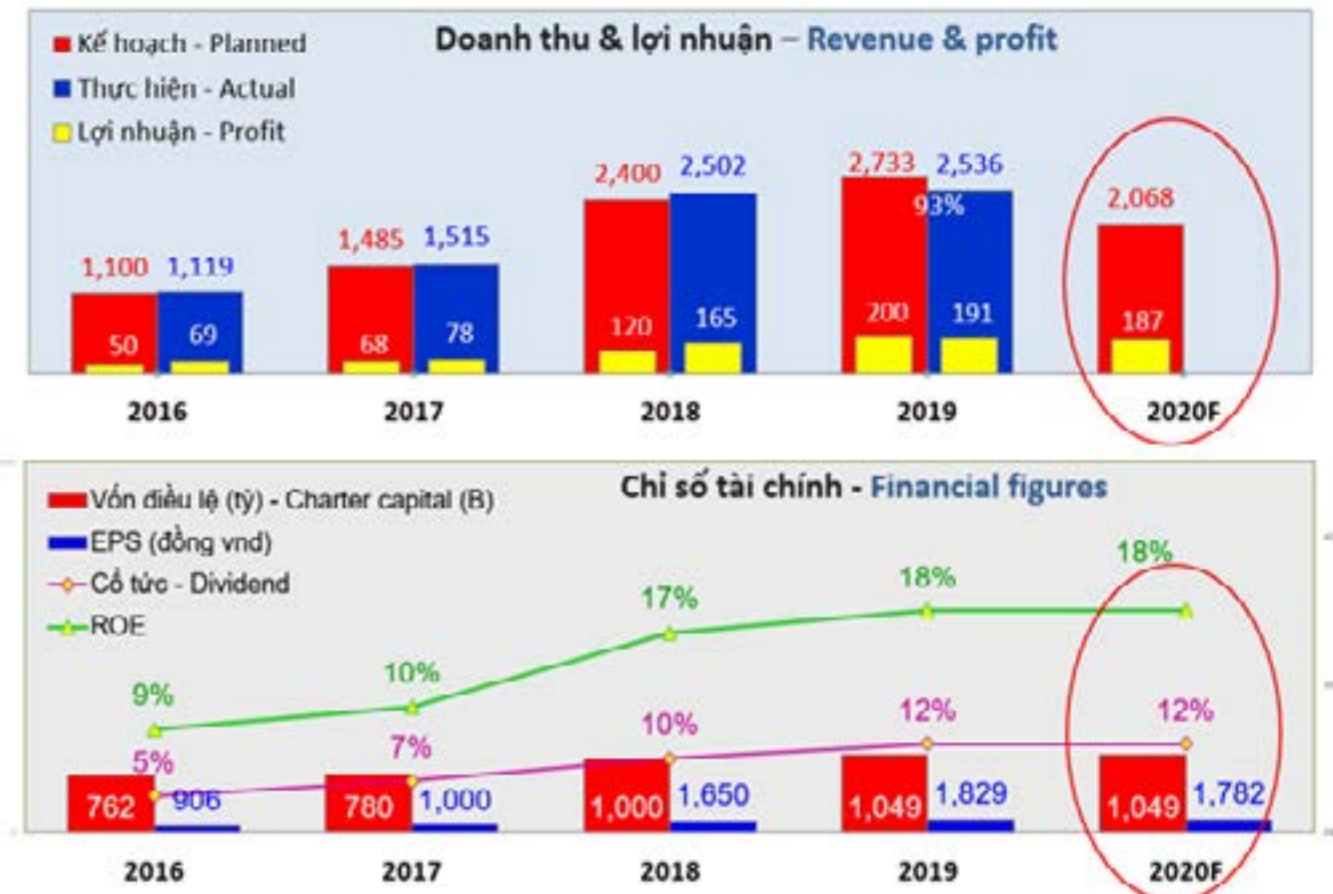
- Tổ chức các buổi giao hữu bóng đá vào những ngày cuối tuần cùng với các đơn vị và đối tác để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV trẻ.
- LICOGI 16 thường xuyên tổ chức những hoạt động từ thiện nhằm góp phần phát triển cộng đồng, chia sẻ đối với những người dân còn khó khăn tại các địa phương nơi có dự án thi công của công ty. Tiếp nối các năm trước, năm 2019 LICOGI 16 đã tổ chức chương trình Xuân yêu thương để trao tặng 316 phần quà Tết với tổng giá trị 76 triệu đồng cho bà con tại xã Chư Ngọc (tỉnh Gia Lai) và ủng hộ 100 triệu đồng để xây dựng Nhà văn hóa Xã Chư Ngọc. Ngoài ra, LICOGI 16 còn tổ chức chương trình phát quà Tết từ thiện tại xã Ngự Lộc (tỉnh Thanh Hóa) với 80 phần quà đến bà con có hoàn cảnh khó khăn trong xã.
- Ngày 05/06/2019, Đoàn viên Công đoàn Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tham gia Ngày hội hiến máu tình nguyện do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phối hợp cùng Hội doanh nghiệp và Hội chữ thập đỏ tổ chức. Ngày hội tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hiến máu cứu người đến cán bộ, công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng cường lượng máu dự trữ trong ngân hàng máu để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

**g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.**

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

### a. Tổng quan về hoạt động của Công ty



### b. Những tiến bộ công ty đạt được:

Kết quả thực hiện giai đoạn 2016 – 2020 đều cao hơn so với kế hoạch đã hoạch định tại tất cả các chỉ tiêu và đều có mức độ tăng trưởng năm sau cao hơn so với năm trước.

#### \* Hoạt động xây lắp:

- Tập trung vào các dự án theo hình thức hợp tác công tư (PPP) nhằm tận dụng các chính sách tích cực, khuyến khích sự tham gia từ lĩnh vực kinh tế tư nhân, điển hình tại các dự án Hạ Long Vân Đồn, Bắc Giang Lạng Sơn, NMN Phú Ninh đã đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn cho Công ty.
- Các dự án của Công ty đang dần được cô đọng lại, tập trung vào các dự án có giá trị lớn với thời gian thi công ngắn, qua đó giúp Công ty tập trung được nguồn lực để quản lý thi công và phát huy tối đa được hiệu quả của dự án.
- Thể hiện tốt vai trò tổng thầu trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông, được Chủ đầu tư đánh giá cao và tạo điều kiện tiếp tục tham gia các gói thầu khác của dự án.
- Tiếp cận các thiết bị, công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông khi hoàn thiện việc chuyển giao vận hành hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại bậc nhất khu vực gồm dàn máy rải base và thảm, dây chuyền lu và các Nhà máy BTNN, Máy nghiền sàng đá.

- Tiếp cận các thiết bị, công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông khi hoàn thiện việc chuyển giao vận hành hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại bậc nhất khu vực gồm dàn máy rải base và thảm, dây chuyền lu và các Nhà máy BTNN, Máy nghiền sàng đá.
- Xây dựng đội ngũ nhà cung cấp chiến lược có dịch vụ tốt cho các vật liệu chính và các nhà thầu phụ có năng lực tài chính và năng lực thi công tốt song hành với Công ty tại các dự án.
- Từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị ngành thông qua việc thành lập XN BTN, XN khai thác đá.
- Linh hoạt cơ chế giao khoán cho các Ban điều hành nhằm tạo sự chủ động, trách nhiệm trong triển khai thi công công trình.
- Trẻ hóa đội ngũ nhiệt huyết với Công ty và có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc trong lĩnh vực Xây dựng.

\* Hoạt động bất động sản:

- Doanh thu năm 2019 của mảng bất động sản là 484 tỷ so với kế hoạch năm 2019 là 354 tỷ đóng góp vào doanh thu đến từ 2 dự án Hiệp Thành City và dự án Long Tân.. Doanh thu 2019 chi tiết:

| Stt | Các dự án Bất động sản  | Doanh thu năm 2019 (tỷ đồng) |
|-----|-------------------------|------------------------------|
| 1   | Long Tân                | 460                          |
| 2   | Đất nền Hiệp Thành City | 24                           |
|     | Tổng cộng               | 484                          |

## 2. Tình hình tài chính

Công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ còn chậm trễ do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan: Thủ tục hồ sơ pháp lý nhà nước, cơ chế quản lý năng lực tài chính của Chủ đầu tư. Giải pháp được đưa ra là các dự án đều phải có bộ phận nội nghiệp chuyên trách và gắn trách nhiệm đối với từng Ban điều hành trong công tác thanh toán quyết toán, thu hồi công nợ.

Nợ vay ngắn hạn đến cuối năm 2019 là 859 tỷ đồng, tăng 151 tỷ so với cuối năm 2018 (708 tỷ đồng). Trong đó chủ yếu ghi nhận thêm khoản vay ngân hàng MB bank và BIDV bổ sung hạn mức vốn lưu động.

Nợ vay dài hạn đến cuối năm 2019 là 106 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng so với cuối năm 2018 (144 tỷ đồng), trong kỳ công ty đã thanh toán được một phần khoản nợ vay đến hạn.

Hoàn thành việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông tỷ lệ 12%/mệnh giá trong đó bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 7%/ mệnh giá và bằng cổ phiếu là 5%/mệnh giá.

Bảng tổng hợp dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp:

| Stt | Nội dung                 | Dòng thu    | Dòng chi    | Chênh lệch  |
|-----|--------------------------|-------------|-------------|-------------|
| 1   | Hoạt động xây lắp        | 1103        | 1131        | -28         |
| 2   | Hoạt động Bất động sản   | 463         | 162         | 301         |
| 3   | Hoạt động đầu tư         | 362         | 700         | -338        |
| 4   | Hoạt động tài chính      | 1714        | 1614        | 100         |
| 5   | Hoạt động khác           | 6           | 202         | -197        |
|     | Lãi vay                  | 6           | 81          |             |
|     | CP hoạt động (gồm lương) |             | 108         |             |
|     | Nộp thuế                 |             | 13          |             |
|     | <b>Dòng tiền thuần</b>   | <b>3648</b> | <b>3810</b> | <b>-162</b> |
|     | Số dư tiền đầu kỳ        |             |             | 247         |
|     | Số dư tiền cuối kỳ       |             |             | 85          |

Xét trên dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có thể thấy nguồn thu chính vẫn từ hoạt động kinh doanh bất động sản, hoạt động này bù đắp một phần cho hoạt động đầu tư tiếp tục phải giải ngân trong năm cho các dự án đầu tư mới.

Hoạt động xây lắp là hoạt động chính của công ty vẫn chưa được ổn định, dòng chi ra vẫn lớn hơn dòng tiền thu, thiếu hụt 22 tỷ đồng. Dòng tiền không đảm bảo thặng dư và không đủ bù đắp dòng tiền chi thiết yếu của doanh nghiệp trong năm gồm lãi vay ngân hàng, chi phí hoạt động (gồm lương) và nộp thuế trong kỳ với tổng số tiền là 203 tỷ đồng.

## 3. Những cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tổ chức thực hiện kiện toàn nhân sự cấp trung, cấp cao, giao nhiệm vụ kiêm nhiệm.
- Thay đổi cách thức đánh giá thi đua cho đến giá trị khen thưởng. Tất cả hướng đến một giá trị xứng đáng với đóng góp xuất sắc của người lao động, đồng thời mang tính chất khích lệ cao để người lao động thể hiện năng lực tối đa, phấn đấu đạt được phần thưởng danh giá này. Cụ thể năm nay có 5 nhân viên tiêu biểu, 2 cán bộ tiêu biểu và 3 tập thể tiêu biểu được vinh danh với phần thưởng có giá trị rất cao. Khi xét tổng cả lương và thưởng trong năm, có người nhận tổng cộng đến 20 tháng lương.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2020 sẽ tiếp tục thực hiện các dự án trọng điểm để hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra cho giai đoạn 2016 – 2020 trong đó tập trung nâng cao công tác quản lý, khai thác tối đa năng lực máy móc thiết bị, con người. Ngoài các dự án về Hạ tầng giao thông, LICOGI 16 sẽ triển khai mạnh mẽ các dự án PPP về ngành nước, năng lượng mặt trời, điện gió.

Ban Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT đệ trình ĐHCĐ thường niên 2020 kế hoạch thực hiện như sau:

### 4.1 Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận:





=> Target Net Margin 2020: 358 – 124 (6% revenue) – 20% Tax = 187 B

- ❖ Tình hình dịch Covid-19 ảnh hưởng chung, các dự án xây lắp đóng băng, trì hoãn chờ tín dụng mới
- ❖ Kế hoạch chuyển nhượng dự án điện mặt trời Nhon Hai nhằm tái đầu tư
- ❖ Tái đầu tư điện gió và tập trung tài chính phát triển dự án Bất Động Sản
- ❖ Due to covid-19 crisis, most construction projects have been frozen/delayed for new credit policy offering.
- ❖ M&A planning for Nhon Hai solar for re-investment purposes.
- ❖ Focus on wind power & real estate for re-investment

4.2. Cơ cấu doanh thu thực hiện KH năm 2020:

a. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận kế hoạch năm 2020 theo từng Quý:

| Chỉ tiêu                    | Quý 1 | Quý 2 | Quý 3 | Quý 4 |
|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh thu hợp nhất          | 880   | 729   | 197   | 262   |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 124   |       |       |       |

| STT | Tên dự án xây dựng              | KH doanh thu 2019 | Thực hiện 2019 |
|-----|---------------------------------|-------------------|----------------|
| 1   | Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn    | 100               | 101            |
| 2   | Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng     | 115               | -              |
| 3   | <b>Đường đua F1</b>             | -                 | <b>100</b>     |
| 4   | Trạm điều tiết Tây Mỗ           | 244               | 232            |
| 5   | Nhà máy nước Phú Ninh           | 68                | 21             |
| 6   | Nhà máy nước Cần Thơ            | 49                | 12             |
| 7   | Bãi xe Thủ Lệ                   | 179               | -              |
| 8   | Cao đẳng GTVT                   | 82                | 75             |
| 9   | Solar Ninh Thuận                | 238               | 286            |
| 10  | Solar Mỹ Sơn 1                  | -                 | 101            |
| 11  | Solar Mỹ Sơn 2                  | -                 | 139            |
| 12  | Các công trình điện             | 225               | 143            |
| 13  | Các dự án khác                  | 214               | 43             |
| 14  | Xây dựng nhà ở Hiệp Thành       | 106               | 125            |
| 15  | Doanh thu bất động sản          | 388               | 484            |
| 16  | Doanh thu Xí nghiệp VLXD        | 55                | 25             |
| 17  | Doanh thu sản xuất bê tông nhựa | 670               | 632            |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>2.733</b>      | <b>2.519</b>   |

4.3 Mục tiêu và kế hoạch hành động năm 2020:

Mục tiêu và kế hoạch hành động năm 2020 được xác định trên định hướng chiến lược HĐQT Công ty, theo đó hoạt động xây lắp đóng vai trò cốt lõi, là hoạt động chính yếu và xuyên suốt; hoạt động bất động sản đóng vai trò hỗ trợ và hoạt động đầu tư theo hình thức PPP từng bước hình thành nguồn thu nhập bền vững, cụ thể như sau:

a. Hoạt động xây lắp:

\* Mục tiêu:

- Thể hiện tốt vai trò tổng thầu trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông, cấp nước, xây dựng dân dụng công nghiệp, năng lượng. Đúc kết kinh nghiệm tại các dự đã triển khai một cách bài bản, từng bước nâng cao uy tín, năng lực thi công và phát triển thị trường trọng điểm phù hợp.
- Tiếp tục hoàn thiện việc chuyên môn hóa các hạng mục thi công đường: Phần nền móng, các công trình trên tuyến, các công trình phụ trợ. Nâng cao vai trò, năng lực của Xí nghiệp BTNN trong chuyên môn hóa thi công mặt đường Bê tông nhựa nóng từ khâu sản xuất đến thi công. Đẩy mạnh hơn nữa công tác thương mại đối với mặt hàng BTNN, tạo nguồn tài chính bền vững cho Công ty.
- Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn các nhân sự hiện có của Công ty, đồng thời tuyển dụng các vị trí nhân sự có chất lượng nhằm đảm đương các vị trí quan trọng. Xây dựng cơ chế thông thoáng, hấp dẫn để thu hút nhân tài.
- Tiếp cận và vận dụng các quy trình công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy điều hành. Ngoài ra, nghiên cứu thêm công nghệ về duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường bộ.
- Xây dựng các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp chiến lược có năng lực tài chính, thi công để cùng song hành với LICOGI 16 tại các dự án.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác quan trọng, có tiềm năng cùng hợp tác đầu tư các dự án trọng điểm.
- Tập trung hoàn thành bàn giao, quyết toán các công trình dở dang của các năm trước. Đồng thời, có kế hoạch cụ thể nhằm thu hồi công nợ tại các dự án để tạo nguồn tài chính thi công cho các dự án đang và dự kiến triển khai.

**\* Kế hoạch hành động:**

- Thi công hoàn thiện các phần việc còn lại tại các dự án như cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Trạm tăng áp Tây Mỗ, BOO NMN Phú Ninh GD1,... để bàn giao dự án. Tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm như Hữu Nghị - Chi Lăng, NMN Cần Thơ,...
- Triển khai thi công tốt các dự án mới như Thủ Lệ, Tân Thanh - Cốc Nam, Solar Ninh Thuận, Mỹ Sơn 1, Mỹ Sơn 2...
- Hoàn thiện thủ tục bàn giao, quyết toán các công trình đang tồn đọng như Kè Suối Hội Phú, Bệnh viện 2 Lâm Đồng, cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi,...
- Bám sát và đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ tại các dự án xây lắp.

**b. Hoạt động bất động sản**

**\* Mục tiêu:**

- Năm 2020 theo dự đoán tiếp tục là năm thị trường bất động sản sôi động, do vậy Công ty sẽ tiếp tục triển khai hạ tầng và kinh doanh 5ha đất nền chuyển đổi từ cao tầng sang thấp tầng tại dự án Long Tân City. Đồng thời nhanh chóng hoàn thiện công tác đền bù và thủ tục pháp lý để triển khai thi công hạ tầng khu 3,4ha Nam Phương City và 7,5ha khu đất chuyển đổi từ dự án Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI.
- Đối với dự án KDC Điện Phước công ty xác định đây là dự án rất tiềm năng nên sẽ tập trung nguồn lực và nhân sự đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Dự kiến hoàn thành đền bù trong năm 2020 và triển khai xây dựng hạ tầng, xây nhà và bắt đầu kinh doanh nhà trong năm 2021.

**\* Kế hoạch hành động:**

- Tối ưu hóa việc bán hàng tại dự án, nhanh chóng thu hồi dòng tiền. Hiện tại việc kinh doanh dự án Long Tân City đang giao cho Công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16 (LCLAND) thực hiện.
- Nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan để ghi nhận doanh thu theo quy định của pháp luật.

**c. Hoạt động đầu tư**

- Lũy kế đến hết năm 2019 về cơ cấu lĩnh vực đầu tư thì mảng hạ tầng giao thông vẫn là mảng đầu tư cốt lõi chiếm tỷ trọng đầu tư cao nhất của công ty với tỷ lệ 53% và giá trị thực tế đầu tư đến hết năm 2019 chiếm tỷ lệ 43% so với giá trị đầu tư đăng ký. Hầu hết các khoản đầu tư của LICOGI 16 đều có tính chất đang trong giai đoạn đầu tư. Mới có một số dự án đã đưa vào khai thác như BOT 38, BOT Bắc Giang Lạng Sơn, PNW tuy nhiên nguồn thu của dự án vẫn chưa đến thời kỳ được hoàn vốn chủ và trả lợi nhuận vốn chủ.

- Phân loại theo lĩnh vực đầu tư thì cơ cấu cụ thể:

| Stt | Lĩnh vực                   | Giá trị đầu tư đăng ký | Giá trị thực hiện lũy kế | Tỷ trọng đã đầu tư | Tỷ trọng đã thực hiện/ đăng ký |
|-----|----------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------------|
| 1   | BDS                        | 618                    | 198                      | 14%                | 32%                            |
| 2   | Giao thông                 | 1,417                  | 756                      | 53%                | 53%                            |
| 3   | Năng lượng                 | 1,072                  | 256                      | 18%                | 24%                            |
| 4   | Tiện ích                   | 122                    | 123                      | 9%                 | 101%                           |
| 5   | XD                         | 86                     | 86                       | 6%                 | 100%                           |
|     | <b>Tổng cộng (tỷ đồng)</b> | <b>3,316</b>           | <b>1,419</b>             | <b>100%</b>        | <b>43%</b>                     |

- Lĩnh vực năng lượng: Trong năm ghi nhận việc đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo đã rất thành công mà nổi bật là dự án Solar Chư Ngọc với việc hoàn thành đầu tư và thực hiện chuyển nhượng chỉ trong một năm 2019. Ngoài ra dự án Solar Nhơn Hải cũng được hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý đầu tư và tín dụng để đảm bảo dự án được hoàn thành quá trình đầu tư đưa vào vận hành theo đúng tiến độ đề ra trong Quý 1.2020. Đối với các dự án điện gió thì công ty cũng đang thực hiện các bước trong giai đoạn tiền khả thi để xin chủ trương bổ sung quy hoạch.

- Lĩnh vực hạ tầng giao thông: Việc đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông ngoài mục tiêu thu lợi nhuận tài chính từ việc đầu tư thì còn đem lại nguồn công việc cho mảng xây dựng nhằm duy trì hoạt động tạo nguồn lợi nhuận ổn định và tạo nguồn tiền ngắn hạn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư. Điểm bất cập là nguồn vốn đầu tư lớn và thời gian hoàn vốn kéo dài, các chính sách chưa ổn định dẫn đến tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực BOT không nhiều nếu như không đi kèm các lợi nhuận xây lắp của dự án. Trong danh mục đầu tư hạ tầng giao thông thì dự án BOT Hữu Nghị Chi Lăng mà công ty đã đầu tư 290 tỷ đồng nhưng dự án chưa triển khai được trong suốt năm 2019 đã dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác mà công ty đã phải bỏ ra chuẩn bị trước cho dự án. Đây cũng là kinh nghiệm để công ty cân nhắc và có những bước đi cẩn trọng hơn trước những quyết định về việc đầu tư trong lĩnh vực này.



- Lĩnh vực tiện ích: Hiện nay công ty đầu tư vào khá nhiều các dự án nhà máy nước bao gồm dự án đã đi vào hoạt động (An Khê, Đankia, Phú Ninh) hay các dự án đang đầu tư (Sài Gòn Mê Kông, Đông Nam Quảng Trị). Hầu hết các dự án đều bị phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ đầu ra, trong giai đoạn đầu do thị trường đầu ra chưa có đủ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, các khoản đầu tư phải chịu chấp nhận rủi ro cao và thời gian hoàn vốn lâu. Do đó với nguồn lực tài chính cần phải dàn trải cho rất nhiều lĩnh vực thì Công ty đang cân nhắc để xem xét thoái khỏi những dự án thua lỗ, thời gian hoàn vốn lâu để tập trung vào các dự án đầu tư mới có tính hiệu quả cao hơn.

### Kế hoạch đầu tư

Căn cứ tình hình tiến độ triển khai các dự án thì hoạch định kế hoạch đầu tư trong năm 2020 cụ thể:

| Stt | Tên công ty                | LK 2019 | KH đầu tư bổ sung 2020 | Nguồn hoạch định                                    |
|-----|----------------------------|---------|------------------------|---|
| 1   | BDS_Điện Phước             | 111.7   | 200                    | Phát hành tăng vốn 150 tỷ và huy động từ nhà đầu tư |
|     | BDS_LCL                    | 0.5     | 100                    | Định giá bất động sản của LCG góp vào LCG Land      |
| 2   | Năng lượng_LCE             | 32.7    | 5                      | Nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh                 |
|     | Năng lượng_LCE Quảng Trị 1 | 0.1     | 50                     | Nguồn chuyển nhượng pháp lý dự án Điện gió Gia Lai  |
|     | Năng lượng_LCE Quảng Trị 2 | 0.1     | 50                     | Hợp tác đầu tư                                      |
|     | <b>Tổng cộng</b>           |         | <b>405</b>             |   |

Để đảm bảo nguồn tài chính dài hạn đầu tư thì các mục tiêu về tài chính cần thực hiện:

- Phát hành tăng vốn
- Kêu gọi huy động vốn hợp tác từ các nhà đầu tư vào dự án
- Xây dựng được chính sách tín dụng với các tổ chức tín dụng
- Xem xét chuyển nhượng các dự án đầu tư

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có.

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

#### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đặc thù của ngành xây dựng, Công ty luôn ý thức việc trực tiếp hoặc gián tiếp chung tay với cộng đồng để xây dựng một môi trường trong sạch, an toàn và bền vững cho thế hệ tương lai. Cụ thể, khi đầu tư máy móc thiết bị thi công, công ty ưu tiên lựa chọn dòng sản phẩm tiên tiến, thân thiện với môi trường như tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải, chất thải, hay có thêm công năng tái sử dụng nguyên liệu cũ.

- Ban an toàn lao động không chỉ kiểm soát chặt chẽ trên diện rộng còn kết hợp tăng cường tuyên truyền công tác vệ sinh công trường như che chắn khu vực thi công, vệ sinh

mặt bằng thi công để giảm ảnh hưởng tiêu cực của khói, bụi, tiếng ồn. Tiết kiệm điện, nước, và giấy được vận động để giảm chi phí nhưng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến bảo vệ môi trường của khu vực điều hành thi công.

- Các cuộc họp giao ban tại văn phòng liên tục tuyên truyền công tác tiết kiệm điện, nước và giấy.

#### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Để thực hiện được nhiệm vụ doanh thu, lợi nhuận kế hoạch và phát triển bền vững do HĐQT đề ra, Ban Giám đốc xác định cần dựa trên yếu tố nguồn lực cốt lõi:

- Con người: yếu tố con người luôn là hạt nhân để thúc đẩy việc phát triển công ty. Do vậy LICOGI 16 luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp. Bên cạnh việc trẻ hóa đội ngũ, hướng tới công tác đào tạo thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm việc. Tiếp tục sử dụng các nhân sự với nhiều năm kinh nghiệm để tiến tới hình thành một bộ máy hài hòa có sự tương trợ lẫn nhau. Đồng thời tranh thủ kiến thức của các chuyên gia trong từng lĩnh vực tư vấn cho Ban lãnh đạo, các bộ phận chuyên môn.

- Đào tạo chuyên sâu: Từ việc nhận biết yếu tố con người là vấn đề cốt lõi của sự phát triển công ty, vì vậy cần thiết phải đào tạo một cách chuyên sâu, bài bản từng cá nhân. Có hoạch định đúng đắn cho việc phát triển nguồn nhân lực và nhận biết khả năng, thế mạnh của mỗi cá nhân để sắp xếp vị trí phù hợp nhất.

- Nắm bắt các công nghệ tân tiến, hiện đại, phù hợp với năng lực cốt lõi của Công ty để thực hiện các dự án có hiệu quả cao nhất và phát triển Công ty theo hướng bền vững nhất.

#### c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Bản thân ban lãnh đạo Công ty luôn hiểu rõ trong những sứ mệnh của công ty là tạo ra giá trị bền vững cho công ty, đáp ứng sự kỳ vọng của cổ đông và khách hàng; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và nhân văn.

- Cộng đồng nhỏ mà công ty quan tâm, xem như tài sản quý cần giữ và thu hút là đội ngũ người lao động. Trên lưng mỗi người lao động là cả một gia đình riêng. Chúng tôi chăm lo người lao động là góp phần gián tiếp xây dựng mái ấm phía sau họ thêm sung túc, thêm hạnh phúc.

- Đặc thù của công ty là hoạt động xây dựng các dự án giao thông, hạ tầng kỹ thuật và công nghiệp trải dài cả nước, đóng quân ở nhiều tỉnh thành nên tuyển dụng người lao động địa phương phục vụ thi công luôn được ưu tiên. Điều đó góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động tỉnh, cải thiện tình hình an ninh trật tự tỉnh, ủng hộ địa phương và đóng góp ngân sách địa phương bằng cách tuân thủ nộp thuế vãng lai ngoại tỉnh.



## ĐÁNH GIÁ HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2019 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng định hướng chiến lược 2016-2020 mà Đại hội đồng cổ đông 2016 đã thông qua và điều chỉnh tại Đại hội cổ đông năm 2017 như sau:

#### a. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### \* Đối với mảng xây dựng:

Năm 2019, hoạt động của ngành Xây dựng gặp nhiều khó khăn, trong đó chủ yếu là nguồn vốn từ tín dụng, do đó, doanh nghiệp xây dựng vẫn rất cần các giải pháp nguồn vốn phát triển bền vững ngành Xây dựng vì phần lớn các doanh nghiệp trong ngành Xây dựng phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn đi vay, chủ yếu là từ ngân hàng. Thuận lợi nhất là tốc độ đô thị hóa nhanh trong tương lai sẽ là nền tảng để tăng trưởng cho ngành Xây dựng.

Đóng góp vào doanh thu xây dựng của LICOGI 16 năm 2019 có thể kể đến doanh thu lớn của nhóm dự án bất động sản với 484 tỷ đồng đến từ 2 dự án Khu dân cư Hiệp Thành (24 tỷ) và Khu dân cư Long Tân (460 tỷ) và nhóm dự án năng lượng tái tạo với tổng doanh thu là 1.216 tỷ đồng với các dự án Điện mặt trời Nhơn Hải, Mỹ Sơn 1, Mỹ Sơn 2.

Năm 2019, Công ty tập trung tối đa nguồn lực để tìm kiếm công việc trong lĩnh vực Xây dựng, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng, tăng cường đầu tư đồng bộ, hiện đại máy móc thiết bị, khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp lớn thi công hạ tầng giao thông và nâng tầm thành vị thế tổng thầu EPC.

##### \* Đối với lĩnh vực bất động sản:

So với Hà Nội và TP. HCM, bất động sản ở các tỉnh cũng không chịu thua kém về sức hút đầu tư, đặc biệt là những dự án hạ tầng đã và đang hình thành là tiềm năng cho thị trường bất động sản và nếu biết nắm bắt cơ hội chủ đầu tư sẽ gặt hái thành công.

LICOGI 16 tập trung đầu tư, kinh doanh các dự án hiện hữu: KDC Long Tân, TP. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Đối với dự án Khu dân cư Long Tân 50ha và 27ha tại Nhơn Trạch, Đồng Nai, Công ty đã kinh doanh 159/167 nền với tổng giá trị hợp đồng là 176 tỷ đồng.

Khu đô thị Nam Phương, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đang hoàn thiện thủ tục cấp sổ cho khách hàng. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho khu 3,4ha, sau khi hoàn thiện sẽ tiếp tục triển khai kinh doanh.

Dòng thu của bất động sản liên tục, tập trung số lượng lớn đã hỗ trợ cho dòng tiền hoạt động chung của Công ty trong những lúc thiếu hụt về dòng tiền.

##### \* Đối với lĩnh vực đầu tư:

Về hạ tầng giao thông: đầu tư 19,5% vốn cổ phần trong Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn với tổng giá trị đã đầu tư là 378,447 tỷ đồng, 30% vốn điều lệ Công ty CP BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị với tổng giá trị đã đầu tư 180 tỷ/280 tỷ.

Về dự án ngành nước, hiện tại nguồn vốn đầu tư cho các dự án NMN Phú Ninh, Cần Thơ, An Khê, Đankia, và Đông Nam Quảng Trị khoảng 200 tỷ đồng.

Mảng năng lượng tái tạo, LICOGI 16 đang đầu tư và đề xuất các dự án điện mặt trời có tổng công suất đến 370MWp như Solar Chư Ngọc, Solar Bình Thuận... Về điện gió có dự án Pleiku 100MWp, Hướng Hóa - Quảng Trị 100MWp. Tổng mức đầu tư lên đến hơn 12.000 tỷ đồng.

### b. Công tác tài chính

Năm 2019, HĐQT điều hành dòng tiền linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ và liên tục. Tối ưu hóa dòng tiền, tích cực bám sát thị trường tài chính để tìm kiếm nguồn vốn với chi phí rẻ giảm chi phí lãi vay.

#### Về chi trả cổ tức 2019:

Năm 2019, đã hoàn tất việc chi trả cổ tức 12% với tỷ lệ 7% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu.

### c. Trách nhiệm môi trường và xã hội

LICOGI 16 tham gia vào các dự án các dự án phát triển ngành công nghiệp điện năng không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày một đi lên mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp khi khai thác các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

Công ty không ngừng nhận chuyển giao các máy móc, thiết bị thi công với công nghệ mới trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đảm bảo dây chuyền thi công hạ tầng giao thông được đồng bộ, hiện đại bậc nhất khu vực gồm dàn máy rải base và thảm, dây chuyền lu và các nhà máy BTNN, máy nghiền sàng đá. Năm 2019, LICOGI 16 đã đầu tư 10 thiết bị các loại với tổng giá trị gần 45 tỷ đồng. Đây cũng là việc thể hiện mối quan tâm của doanh nghiệp đến môi trường khi hạn chế lượng khí thải trong vận hành ra môi trường hay giảm thiểu lượng sản phẩm không đạt yêu cầu sản xuất.

LICOGI 16 chú trọng công tác nguồn nhân lực đủ “chất” cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng là tôn chỉ cho trách nhiệm với người lao động, góp phần đảm bảo công ăn việc làm cho xã hội. Làm sao xây dựng đội ngũ nhân sự hiệu quả trong công tác, đảm bảo người lao động được bố trí đúng năng lực và thu nhập của người lao động tương xứng với hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào thành quả của công ty.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động triển khai kế hoạch SXKD, tổ chức thực hiện một cách tích cực nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Những nỗ lực vượt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh vừa qua của Ban Giám đốc là thành quả đáng được ghi nhận.

- Trong năm, Ban Giám đốc thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, giao khoán tới cho các công trường giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo thuận lợi cho việc kết nối nhanh chóng giữa các ban điều hành và văn phòng Công ty.

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, chăm lo tốt đời sống người lao động; chủ động tổ chức đánh giá khó khăn, thuận lợi trong hoạt động SXKD hàng năm, chỉ rõ những hạn chế và tồn tại nhằm tìm giải pháp khắc phục.

- HĐQT ghi nhận nỗ lực cố gắng toàn thể Ban Giám đốc, CBCNV toàn Công ty, đặc biệt, BDS đã giúp dòng tiền ổn định, tạo nguồn đầu tư vào các lĩnh vực khác theo mô hình Holdings chiến lược.

## 3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

LICOGI 16 vẫn tiếp tục thực hiện theo định hướng chiến lược 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua. Cụ thể:

- Đối với Bất động sản, tiếp tục triển khai dự án Điện Phước, nhà ở xã hội Nghi Sơn, Long Tân, 3,4ha dự án Bảo Lộc (Lâm Đồng), dự án lấn biển 550ha Hậu Lộc.
- Cấu trúc lại ngành tiện ích, đặc biệt ngành nước theo hướng thoái vốn những dự án không hiệu quả.
- Phát triển ngành năng lượng với vai trò phát triển dự án và đầu tư xây dựng.
- Tiếp tục định hướng là tổng thầu các công trình xây dựng.
- Xây lắp và phát triển thị trường bê tông nhựa:
  - Tham gia các dự án trọng điểm quốc gia và các dự án từ danh mục đầu tư.
  - Phát huy năng lực lõi ngành hạ tầng giao thông với vai trò tổng thầu cho các dự án trọng điểm quốc gia.
  - Phát triển thị trường bê tông nhựa trên cơ sở 3 trạm hiện hữu và XNVLXD.
- Cùng với đó là chiến lược tái cấu trúc với các nội dung: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự theo hướng dựa trên khối lượng và kết quả công việc thực hiện, đánh giá và sắp xếp nguồn nhân lực và xây dựng, củng cố nền tảng cho tăng trưởng. Tiếp tục rà soát hoạt động công ty con, công ty liên kết và kiên quyết thoái vốn khỏi các công ty không hoạt động hiệu quả.

**1. Hội đồng quản trị**

**a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị** (xem nội dung liên quan ở chương Thông tin chung)

| STT                      | Họ tên                | Chức vụ         | Cổ phần chuyển nhượng tự do | Tỷ lệ sở hữu % | Chứng chỉ đào tạo quản trị công ty |
|--------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|------------------------------------|
| 1                        | Bùi Dương Hùng        | Chủ tịch HĐQT   | 6.012.546                   | 5,73           | Có                                 |
| 2                        | Lê Vũ Nam             | Thành viên HĐQT | 6.022.510                   | 5,74           | Có                                 |
| 3                        | Phan Ngọc Hiếu        | Thành viên HĐQT | 52.500                      | 0,05           | Có                                 |
| 4                        | Budiman Satrio Sudono | Thành viên HĐQT | 52.500                      | 0,05           | Không                              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL:</b> |                       |                 | <b>12.140.056</b>           | <b>11,57</b>   |                                    |

**b. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Kiểm toán nội bộ**

Thành viên của ban

Ông Lê Vũ Nam (sinh năm 1969) – PGS.TS Luật Kinh tế - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa (sinh năm 1981) – Cử nhân Kinh tế – Thành viên Tiểu ban

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tổ chức 11 cuộc họp chính vào các ngày 18/01/2019, 04/04/2019, 03/05/2019, 27/06/2019, 29/07/2019, 28/08/2019, 20/09/2019,

| STT | Số Nghị quyết       | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------------|------------|---|
| 1   | 01/QĐ-LICOGI16-HĐQT | 18/01/2019 | Nghị quyết của HĐQT về miễn nhiệm chức vụ GD Tài chính của Bà Đinh Thị Hiền   |
| 2   | 03/NQ-LICOGI16-HĐQT | 18/02/2019 | Nghị quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2019  |
| 3   | 06/NQ-LICOGI16-HĐQT | 12/04/2019 | Nghị quyết HĐQT thông qua việc tiếp tục thi công tuyến ống phía nam theo yêu cầu của CĐT Nhà máy nước Phú Ninh, Quảng Nam; hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP LICOGI 16 M&C. |

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

| STT | Số Nghị quyết       | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------------|------------|---|
| 4   | 09/NQ-LICOGI16-HĐQT | 24/04/2019 | Nghị quyết HĐQT về cử người đại diện vốn tại LICOGI 166, miễn nhiệm GD Kinh tế - Kế hoạch, thông qua chủ trương thoái vốn khỏi LICOGI 166.  |
| 5   | 10/NQ-LICOGI16-HĐQT | 07/05/2019 | Nghị quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2019   |
| 6   | 12/NQ-LICOGI16-HĐQT | 20/06/2019 | Nghị quyết HĐQT về chuyển nhượng 30% vốn điều lệ tại Công ty CP Cấp nước KTT Đông Nam Quảng Trị cho Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16; thống nhất mua thêm phần vốn góp tại một công ty.   |
| 7   | 13/NQ-LICOGI16-HĐQT | 27/06/2019 | Nghị quyết HĐQT về lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019  |
| 8   | 16/NQ-LICOGI16-HĐQT | 29/07/2019 | Nghị quyết HĐQT về việc thông qua phương án xử lý số cổ phiếu còn dư do cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền mua; thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.  |
| 9   | 18/NQ-LICOGI16-HĐQT | 28/08/2019 | Nghị quyết HĐQT về việc thông qua tăng tỷ lệ vốn góp vào Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16; tham gia góp vốn thành lập: Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1, Công ty CP Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2; cử người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn góp tại Công ty CP BOT 38. |
| 10  | 21/NQ-LICOGI16-HĐQT | 20/09/2019 | Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền; phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.   |
| 11  | 22/QĐ-LICOGI16-HĐQT | 01/11/2019 | Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm ông Trần Hữu Phong giữ chức vụ Giám đốc Kinh tế Kế hoạch.  |
| 12  | 23/QĐ-LICOGI16-HĐQT | 06/12/2019 | Quyết định HĐQT về việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Công ty; điều chỉnh chức danh Giám đốc khối thành Phó Tổng giám đốc.   |

#### d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến hết ngày 31/12/2019, HĐQT có 02 thành viên độc lập bao gồm ông Lê Vũ Nam và ông Budiman Satrio Sudono. Trong năm 2019, các thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng, quan điểm tích cực và thiết thực cho chiến lược phát triển cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, định hướng phát triển theo từng lĩnh vực hoạt động, đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp.

#### e. Tiểu ban trong HĐQT

LICOGI 16 thực hiện mô hình quản trị Ban Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT công ty. Ban hoạt động theo nhiệm vụ được giao, giúp việc hiệu quả cho Hội đồng quản trị trong công tác giám sát, tổ chức và quản trị thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban KTNB đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của công ty, cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ của Công ty trong các hoạt động quản trị, quản lý và điều hành;
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thảo luận với kiểm toán viên độc lập về phạm vi kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ phát sinh trong niên độ tài chính;
- Giám sát các giao dịch với người có liên quan;
- Giám sát, kiểm tra việc tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư trong toàn hệ thống.

#### 2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc

##### a. Thù lao của HĐQT:

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2019, đại hội đã thông qua thù lao đối với HĐQT, Ban thư ký LICOGI 16 là 0,2% doanh thu thuần hợp nhất và trích Quỹ thưởng HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế.

Thực tế đã chi trả ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao trong năm 2019 cho HĐQT, Ban Thư ký là 0,139% doanh thu thuần hợp nhất, phần còn lại sẽ được chi trả trong năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

##### b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn:

| STT                     | Người thực hiện giao dịch             | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
|                         |                                       |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ  |  |
| <b>I Cổ đông nội bộ</b> |                                       |                          |                           |        |                            |        |  |
| 1                       | Ông Phan Ngọc Hiếu                    | Thành viên HĐQT          | 50.000                    | 0,05%  | 5.230.010                  | 5,34%  | Mua<br>5.180.010cp                                 |
| 2                       | Lê Thị Phương Nam                     | Phó Tổng giám đốc        | 27.130                    | 0,03%  | 577.130                    | 0,59%  | Mua<br>550.000cp                                   |
| 3                       | Ông Phan Ngọc Hiếu                    | Thành viên HĐQT          | 5.203.010                 | 5,06%  | 5.734.010                  | 5,57%  | Mua<br>531.000cp                                   |
| 4                       | Ông Bùi Dương Hùng                    | Chủ tịch HĐQT            | 5.512.546                 | 5,26%  | 6.012.546                  | 5,73%  | Mua<br>500.000cp                                   |
| <b>II Cổ đông lớn</b>   |                                       |                          |                           |        |                            |        |  |
| 1                       | Công ty CP Cơ điện miền Trung         | Cổ đông lớn              | 4.900.000                 | 5,00%  | 0                          | 0,00%  | Bán<br>4.900.000cp                                 |
| 2                       | Lucern Enterprise LTD                 | Cổ đông lớn              | 18.846.480                | 19,23% | 18.264.480                 | 18,64% | Bán<br>582.000cp                                   |
| 3                       | Công ty CP Cơ khí Thương mại Đại Dững | Cổ đông lớn              | 4.900.000                 | 5,00%  | 0                          | 0,00%  | Bán<br>4.900.000cp                                 |
| 4                       | Lucern Enterprise LTD                 | Cổ đông lớn              | 17.864.480                | 18,23% | 17.604.480                 | 17,96% | Bán<br>260.000cp                                   |
| 5                       | Nguyễn Văn Nghĩa                      | Cổ đông lớn              | 4.864.070                 | 4,96%  | 4.950.070                  | 5,05%  | Mua<br>86.000cp                                    |
| 6                       | Nguyễn Văn Nghĩa                      | Cổ đông lớn              | 5.807.980                 | 5,93%  | 5.940.980                  | 6,06%  | Mua<br>133.000cp                                   |
| 7                       | Lucern Enterprise LTD                 | Cổ đông lớn              | 17.604.480                | 17,96% | 17.706.350                 | 18,07% | Mua<br>101.870cp                                   |
| 8                       | Lucern Enterprise LTD                 | Cổ đông lớn              | 18.291.950                | 18,67% | 18.691.950                 | 19,07% | Mua<br>400.000cp                                   |
| 9                       | Lucern Enterprise LTD                 | Cổ đông lớn              | 19.341.950                | 19,74% | 19.606.950                 | 20,01% | Mua<br>265.000cp                                   |

**c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

- Là công ty đại chúng, LICOGI 16 tuân thủ hướng dẫn cụ thể về quản trị công ty, cụ thể Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

- Trong cơ cấu HĐQT LICOGI 16 đảm bảo cân đối giữa thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, 3/4 tổng số thành viên không điều hành (tuân thủ tỷ lệ tối thiểu 1/3). Và cơ cấu thành viên độc lập cũng là 2/4, đảm bảo tối thiểu 1/3.

- Quyết định bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty được công bố vào tháng 4/2018.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số tham chiếu: 60992762/21164003/HN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1

Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>3.251.943.638.184</b> | <b>2.915.957.933.210</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>4</b>    | <b>61.411.536.036</b>    | <b>212.905.766.099</b>   |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 61.411.536.036           | 136.081.424.442          |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | -                        | 76.824.341.657           |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>19.000.000.000</b>    | <b>96.000.000.000</b>    |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 19.000.000.000           | 96.000.000.000           |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>2.246.063.245.151</b> | <b>1.694.796.592.124</b> |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 6           | 1.524.725.740.294        | 1.079.103.652.620        |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 7           | 371.524.609.334          | 260.175.370.072          |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 8           | 15.936.418.391           | 9.236.418.391            |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 9           | 366.886.676.899          | 371.870.532.306          |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 6           | (33.010.199.767)         | (25.589.381.265)         |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>10</b>   | <b>824.798.589.199</b>   | <b>833.235.225.519</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 824.798.589.199          | 833.235.225.519          |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>100.670.267.798</b>   | <b>79.020.349.468</b>    |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 11          | 8.290.582.495            | 14.317.736.662           |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 92.377.528.783           | 64.435.462.191           |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>1.466.781.912.394</b> | <b>1.313.649.307.223</b> |
| <b>210</b> | <b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>             |             | <b>6.367.569.000</b>     | -                        |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                     | 9           | 6.367.569.000            | -                        |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>370.224.902.764</b>   | <b>369.577.585.057</b>   |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 12          | 329.760.282.472          | 351.639.476.852          |
| 222        | Nguyên giá                                   |             | 492.215.080.401          | 462.841.111.138          |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (162.454.797.929)        | (111.201.634.286)        |
| 224        | 2. Tài sản cố định thuê tài chính            | 13          | 38.756.762.059           | 15.472.193.924           |
| 225        | Nguyên giá                                   |             | 52.003.408.553           | 19.153.008.553           |
| 226        | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (13.246.646.494)         | (3.680.814.629)          |
| 227        | 3. Tài sản cố định vô hình                   | 14          | 1.707.858.233            | 2.465.914.281            |
| 228        | Nguyên giá                                   |             | 10.213.240.000           | 9.665.060.000            |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (8.505.381.767)          | (7.199.145.719)          |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          |             | <b>340.688.411.853</b>   | <b>127.109.357.036</b>   |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 15          | 340.688.411.853          | 127.109.357.036          |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>16</b>   | <b>728.937.845.304</b>   | <b>797.132.243.552</b>   |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết               |             | 214.981.295.804          | 285.075.694.052          |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |             | 487.397.030.000          | 487.397.030.000          |
| 255        | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           |             | 26.559.519.500           | 24.659.519.500           |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>20.563.183.473</b>    | <b>19.830.121.578</b>    |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 11          | 891.287.669              | 1.883.086.810            |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 31.3        | 9.282.097.121            | 6.082.191.659            |
| 269        | 3. Lợi thế thương mại                        | 17          | 10.389.798.683           | 11.864.843.109           |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>4.718.725.550.578</b> | <b>4.229.607.240.433</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                       |             | <b>3.131.372.236.712</b> | <b>2.757.100.148.424</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                       |             | <b>2.917.230.787.183</b> | <b>2.515.506.607.833</b> |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                              | 18          | 886.620.645.485          | 841.201.997.978          |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                        | 19          | 367.277.096.455          | 614.885.214.822          |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                      | 20          | 80.108.670.097           | 48.356.661.358           |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                  |             | 8.266.908.511            | 13.557.462.382           |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                | 21          | 558.299.691.720          | 173.127.505.732          |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                   | 22          | 125.030.902.547          | 90.404.043.219           |
| 320        | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                        | 23          | 859.327.279.597          | 708.618.144.918          |
| 321        | 8. Dự phòng ngắn hạn  | 24          | 19.670.728.282           | 21.174.781.145           |
| 322        | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                |             | 12.628.864.489           | 4.180.796.279            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                       |             | <b>214.141.449.529</b>   | <b>241.593.540.591</b>   |
| 331        | 1. Phải trả người bán dài hạn                               | 32          | 89.414.653.881           | 80.207.294.642           |
| 337        | 2. Phải trả dài hạn khác                                    | 22          | 17.350.468.768           | 15.601.283.351           |
| 338        | 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                         | 23          | 105.883.075.380          | 144.291.711.098          |
| 342        | 4. Dự phòng phải trả dài hạn                                |             | 1.493.251.500            | 1.493.251.500            |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    |             | <b>1.587.353.313.866</b> | <b>1.472.507.092.009</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                    |             | <b>1.587.353.313.866</b> | <b>1.472.507.092.009</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần  | 25.1        | 1.048.992.930.000        | 1.000.000.000.000        |
| 411a       | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 1.048.992.930.000        | 1.000.000.000.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                     | 25.1        | 93.686.603.494           | 93.686.603.494           |
| 415        | 3. Cổ phiếu quỹ   | 25.1        | (18.771.380.000)         | (18.771.380.000)         |
| 418        | 4. Quỹ đầu tư phát triển                                    | 25.1        | 119.204.302.363          | 119.204.302.363          |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 25.1        | 240.069.877.311          | 178.057.178.465          |
| 421a       | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 48.944.095.085           | 13.480.178.750           |
| 421b       | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 191.125.782.226          | 164.576.999.715          |
| 429        | 6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát                  |             | 104.170.980.698          | 100.330.387.687          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                  |             | <b>4.718.725.550.578</b> | <b>4.229.607.240.433</b> |

Đỗ Văn Hường  
Người lập

Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
| 1     | 1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 26.1        | 2.536.267.886.150   | 2.526.375.101.138   |
| 2     | 2. Giảm trừ doanh thu                              | 26.1        | -                   | (24.721.369.000)    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.1        | 2.536.267.886.150   | 2.501.653.732.138   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 27          | (2.075.982.020.886) | (2.175.636.710.947) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 460.285.865.264     | 326.017.021.191     |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 26.2        | 48.289.484.101      | 37.849.747.200      |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 28          | (116.407.114.014)   | (60.708.843.483)    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (79.403.952.931)    | (54.262.655.498)    |
| 24    | 8. Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết               |             | (8.769.648.334)     | 2.182.337.693       |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                | 29          | (51.802.501.111)    | (27.853.806.906)    |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 29          | (73.537.911.170)    | (65.138.591.340)    |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 258.058.174.736     | 212.347.864.355     |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                  | 30          | 7.625.993.192       | 5.151.437.380       |
| 32    | 13. Chi phí khác                                   | 30          | (9.752.146.253)     | (3.922.647.959)     |
| 40    | 14. (Lỗ) lợi nhuận khác                            | 30          | (2.126.153.061)     | 1.228.789.421       |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 255.932.021.675     | 213.576.653.776     |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 31.1        | (65.368.546.623)    | (34.344.266.020)    |
| 52    | 17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                    | 31.3        | 3.199.905.462       | 3.568.133.261       |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 193.763.380.514     | 182.800.521.017     |
| 61    | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |             | 191.125.782.226     | 164.576.999.715     |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             | 2.637.598.288       | 18.223.521.302      |
| 70    | 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 25.4        | 1.672               | 1.565               |
| 71    | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 25.4        | 1.672               | 1.565               |

Đỗ Văn Hường  
Người lập

Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh    | Năm nay                  | Năm trước                |
|--|--|----------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |                |                          |                          |
| <b>01</b>  | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   |                | <b>255.932.021.675</b>   | <b>213.576.653.776</b>   |
|  | Điều chỉnh cho các khoản:  |                |                          |                          |
| 02   | Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)                             | 12, 13, 14, 17 | 69.407.431.360           | 50.935.914.161           |
| 03   | Dự phòng   |                | 5.916.765.639            | 18.694.234.695           |
| 04   | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |                | -                        | 254.467.353              |
| 05   | Lãi từ hoạt động đầu tư  |                | (9.633.351.913)          | (40.086.366.711)         |
| 06   | Chi phí lãi vay  | 28             | 79.403.952.931           | 54.262.655.498           |
| <b>08</b>  | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 |                | <b>401.026.819.692</b>   | <b>297.637.558.772</b>   |
| 09   | Tăng các khoản phải thu  |                | (633.710.866.017)        | (342.969.286.374)        |
| 10   | (Giảm) tăng hàng tồn kho   |                | 8.436.636.320            | (291.794.386.948)        |
| 11   | Tăng (giảm) các khoản phải trả   |                | 284.709.983.341          | (97.314.079.964)         |
| 12   | Giảm (tăng) chi phí trả trước  |                | 7.018.953.308            | (3.775.147.623)          |
| 14   | Tiền lãi vay đã trả  |                | (78.957.510.615)         | (52.552.343.858)         |
| 15   | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |                | (31.087.611.300)         | (17.691.352.370)         |
| 17   | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |                | (3.072.321.770)          | (7.569.633.696)          |
| <b>20</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 |                | <b>(45.635.917.041)</b>  | <b>(516.028.672.061)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |                |                          |                          |
| 21   | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định  |                | (315.251.408.162)        | (83.197.233.252)         |
| 22   | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                     |                | 1.873.636.364            | 68.181.818               |
| 23   | Tiền chi cho vay và mua công cụ vốn của đơn vị khác                                  |                | (8.700.000.000)          | (69.100.000.000)         |
| 24   | Tiền thu hồi cho vay   |                | 77.100.000.000           | -                        |
| 25   | Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  |                | (5.860.000.000)          | (264.277.217.923)        |
| 26   | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  |                | 121.365.247.314          | 150.807.450.000          |
| 27   | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia                              |                | 11.560.881.178           | 13.428.154.211           |
| <b>30</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                            |                | <b>(117.911.643.306)</b> | <b>(252.270.665.146)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |                |                          |                          |
| 31   | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu   |                | -                        | 79.500.000.000           |
|  | Tiền nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát  |                | 1.202.994.723            | 19.000.000.000           |
| 32   | Tiền mua lại cổ phiếu quỹ  |                | -                        | (18.768.000.000)         |
| 33   | Tiền thu từ đi vay   | 23             | 1.690.192.747.729        | 1.548.608.051.065        |
| 34   | Tiền trả nợ gốc vay  | 23             | (1.596.869.757.609)      | (1.136.574.952.756)      |
| 35   | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính   | 23             | (13.872.891.159)         | (4.588.597.182)          |
| 36   | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu   | 25.2           | (68.599.763.400)         | (69.999.763.400)         |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                      | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-------|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính  |             | 12.053.330.284    | 417.176.737.727   |
| 50    | Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm |             | (151.494.230.063) | (351.122.599.480) |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm              |             | 212.905.766.099   | 564.028.365.579   |
| 70    | Giảm tiền và tương đương tiền thuần           | 4           | 61.411.536.036    | 212.905.766.099   |

  
 Đỗ Văn Hương  
 Người lập

  
 Nguyễn Văn Việt  
 Kế toán trưởng

  
 Tăng Quốc Thuộc  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**Bảng thuyết minh BCTC hợp nhất 2019**  
**tham khảo thêm tại Website [www.licogi16.vn](http://www.licogi16.vn)**

